

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

GIÁO TRÌNH MÔ ĐUN
LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH

MÃ SỐ: MĐ02
NGHỀ: QUẢN LÝ TRANG TRẠI
Trình độ: Sơ cấp nghề



TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

MÃ TÀI LIỆU: MĐ02

LỜI GIỚI THIỆU

Phát triển kinh tế trang trại là bước đi tất yếu, phổ biến của tất cả các nền sản xuất nông nghiệp trên thế giới. Ở Việt Nam, phát triển kinh tế trang trại đã và đang được đẩy mạnh ở tất cả các địa phương trong cả nước. Phát triển kinh tế trang trại đã đem lại lợi ích to lớn về nhiều mặt cho nền nông nghiệp, tăng thu nhập cho người dân và giải quyết nhiều vấn đề của xã hội.

Với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp; Đảng và Nhà nước ta đã đặt trọng tâm việc đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nhằm góp phần thay đổi cơ bản nền kinh tế để hội nhập và phát triển.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân, trong khuôn khổ Dự án Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình nghề “Quản lý trang trại” xây dựng chương trình và biên soạn giáo trình dùng cho đào tạo trình độ sơ cấp nghề đối với nghề “Quản lý trang trại”.

Chương trình đào tạo nghề “Quản lý trang trại” cùng với bộ giáo trình được biên soạn đã tích hợp những kiến thức, kỹ năng cần có của nghề, đã cập nhật những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, thực tế sản xuất – kinh doanh các sản phẩm sản xuất tại các trang trại có quy mô vừa và nhỏ ở các địa phương trên cả nước, do đó có thể coi là cẩm nang cho người đã, đang và sẽ tham gia vào lĩnh vực quản lý trang trại. Bộ giáo trình này gồm 6 quyển:

1. Giáo trình mô đun Định hướng sản xuất
2. Giáo trình mô đun Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh
3. Giáo trình mô đun Tổ chức sản xuất
4. Giáo trình mô đun Tổ chức thu hoạch và bảo quản sản phẩm
5. Giáo trình mô đun Tổ chức tiêu thụ sản phẩm
6. Giáo trình mô đun Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh

Giáo trình mô đun “Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh” nhằm giới thiệu cho người học về các kiến thức cần thiết để chuẩn bị một bản kế hoạch sản xuất kinh doanh trong điều kiện trang trại có quy mô vừa và nhỏ. Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh là công việc cần thiết và quan trọng trước khi tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh trong bất kỳ lĩnh vực nào, kể cả trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

Giáo trình mô đun “Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh” có thời gian học tập là 84 giờ, gồm có 5 bài:

- Bài 01. Lập kế hoạch sản xuất
- Bài 02. Lập kế hoạch lao động
- Bài 03. Lập kế hoạch tiêu thụ
- Bài 04. Lập kế hoạch tài chính

Bài 05. Dự kiến hiệu quả kinh tế và hoàn thiện bản kế hoạch

Để hoàn thiện giáo trình chúng tôi đã nhận được sự chỉ đạo, hướng dẫn của Vụ Tổ chức cán bộ – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ý kiến đóng góp của các cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, các chuyên gia, Ban giám hiệu và các thầy cô giáo Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm. Chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn đến tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân đã tham gia đóng góp nhiều ý kiến quý báu, tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành giáo trình.

Trong quá trình biên soạn chắc chắn không tránh khỏi những sai sót, chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của độc giả, các nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật và các đồng nghiệp để giáo trình hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Tham gia biên soạn

1. Nguyễn Vũ Phương Thúy (chủ biên)
2. Trần Quốc Việt
3. Lê Thị Nguyên Tâm
4. Lê Thị Hương Giang
5. Tống Thị Hải Hạnh

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	3
CÁC THUẬT NGỮ CHUYÊN MÔN, CHỮ VIẾT TẮT.....	8
MÔ ĐUN: LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH.....	9
Bài 01. LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT	10
A. Nội dung	10
1. Giới thiệu về kế hoạch sản xuất	10
1.1. Lợi ích của việc lập kế hoạch sản xuất	10
1.2. Các loại kế hoạch sản xuất của trang trại.....	10
2. Xác định các căn cứ lập kế hoạch sản xuất.....	13
2.1. Nhu cầu thị trường	13
2.2. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên của từng cơ sở sản xuất.....	14
2.3. Căn cứ vào nguồn lực của cơ sở sản xuất	15
3. Lập kế hoạch sản xuất cho trồng trọt	15
3.1. Kế hoạch diện tích.....	16
3.2. Kế hoạch năng suất	21
3.3. Kế hoạch sản lượng.....	22
3.4. Kế hoạch biện pháp cho trồng trọt.....	22
4. Lập kế hoạch sản xuất cho chăn nuôi.....	30
4.1. Kế hoạch sản lượng, số lượng và năng suất vật nuôi.....	30
4.2. Kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi	30
4.3. Kế hoạch biện pháp chăn nuôi	32
5. Lập kế hoạch tiến độ sản xuất	36
B. Câu hỏi và bài tập thực hành	37
C. Ghi nhớ	37
Bài 02. LẬP KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG	38
A. Nội dung	38
1. Đặc điểm của lao động trong nông nghiệp	38
2. Lập kế hoạch lao động	38
2.1. Phân tích nguồn lao động của trang trại.....	38
2.2. Xác định nhu cầu về số lượng và chất lượng lao động.....	39
2.3. Xác định khả năng hiện có và cân đối lao động	42
B. Câu hỏi và bài tập thực hành	43

C. Ghi nhớ	43
Bài 03. LẬP KẾ HOẠCH TIÊU THỤ	44
A. Nội dung	44
1. Đánh giá thị trường tiêu thụ	44
2. Lập kế hoạch tiếp thị	46
2.1. Sản phẩm	47
2.2. Giá bán	47
2.3. Nơi bán	50
2.4. Hỗ trợ bán hàng	52
3. Xây dựng nguồn ngân sách cho kế hoạch tiêu thụ sản phẩm	54
4. Lập bảng tổng hợp kế hoạch tiêu thụ sản phẩm	56
B. Câu hỏi và bài tập thực hành	56
C. Ghi nhớ	57
Bài 04. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	58
A. Nội dung	58
1. Các loại kế hoạch tài chính của trang trại	58
1.1. Kế hoạch tài chính dài hạn	58
1.2. Kế hoạch tài chính hàng năm	58
1.3. Các loại kế hoạch tài chính hàng vụ, hàng quý và hàng tháng	58
2. Lập kế hoạch về vốn	59
2.1. Ước tính tổng vốn đầu tư	59
2.2. Cân đối tài chính và xác định nguồn vốn cần huy động	60
3. Lập kế hoạch thu chi	61
4. Lập kế hoạch huy động vốn và hoàn trả vốn	62
B. Câu hỏi và bài tập thực hành	63
C. Ghi nhớ	63
Bài 05. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ KINH TẾ VÀ HOÀN THIỆN BẢN KẾ HOẠCH	64
A. Nội dung	64
1. Ước tính các chi phí	64
2. Ước tính doanh thu	66
3. Tính toán hiệu quả kinh tế	67
4. Viết bản kế hoạch hoàn thiện	68
B. Câu hỏi và bài tập thực hành	69

C. Ghi nhớ	69
HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY MÔ ĐUN.....	70
PHỤ LỤC	79
DANH SÁCH BAN CHỦ NHIỆM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH, BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP	86
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP	86

CÁC THUẬT NGỮ CHUYÊN MÔN, CHỮ VIẾT TẮT

MĐ : Mô đun

TSCĐ : Tài sản cố định

TT : Thứ tự

ha : héc ta

MÔ ĐUN: LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH**Mã mô đun: MD02****Giới thiệu mô đun**

Mô đun 02 “Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh” có thời gian học tập là 84 giờ, trong đó có 20 giờ lý thuyết, 56 giờ thực hành và 08 giờ kiểm tra. Đây là một mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành nhưng trọng tâm là thực hành. Mô đun này trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp để thực hiện được các công việc: lập kế hoạch sản xuất, lập kế hoạch lao động, lập kế hoạch tiêu thụ, lập kế hoạch tài chính, dự kiến hiệu quả kinh tế và hoàn thiện bản kế hoạch. Mô đun còn trình bày hệ thống các câu hỏi, bài tập/ bài thực hành cho từng bài dạy, phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá và cách thức đánh giá cho từng bài tập/thực hành. Sau khi học xong mô đun “Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh”, học viên có thể lập được bản kế hoạch sản xuất kinh doanh cho một trang trại cụ thể.

Bài 01. LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

Mã bài: MD02-01

Mục tiêu:

- Trình bày được các nội dung của kế hoạch sản xuất;
- Lập được bản kế hoạch sản xuất có tính khả thi;
- Nhận thức được tầm quan trọng của công tác lập kế hoạch sản xuất cho trang trại.

A. Nội dung

1. Giới thiệu về kế hoạch sản xuất

1.1. Lợi ích của việc lập kế hoạch sản xuất

Kế hoạch trong các trang trại trồng trọt, chăn nuôi có quy mô vừa và nhỏ là điều kiện cơ bản để thực hiện có hiệu quả phương hướng sản xuất kinh doanh, là công cụ giúp cho người quản lý trang trại chỉ đạo sản xuất kinh doanh có cơ sở khoa học. Mặt khác, kế hoạch còn giúp cho các cơ sở tập trung khai thác mọi tiềm năng của mình để nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh. Nhờ có kế hoạch mà trang trại tránh được những rủi ro đồng thời chủ động ứng phó với những sự biến động bất thường. Kế hoạch còn giúp các chủ trang trại có cơ sở để kiểm tra các hoạt động của mình, tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu của mình, của các đối thủ cạnh tranh để có các giải pháp thích hợp.

Đối với người làm trang trại, kế hoạch là công cụ để thay đổi tư duy, suy nghĩ kiểu cũ sang tư duy có tính toán, cân nhắc. Khi lập kế hoạch sẽ tạo cho họ thói quen ghi chép lại hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại, của gia đình, lợi nhuận và tình hình tiêu thụ sản phẩm,... Ngoài ra, họ có thể chủ động hơn về vốn, lợi dụng những thế mạnh, những cơ hội và đối mặt với những đe dọa.

Tóm lại, lập kế hoạch sản xuất đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng đến những kết quả và hiệu quả của các hoạt động sản xuất trong tương lai. Chính vì vậy, công tác lập kế hoạch sản xuất trong các trang trại cần được coi trọng và tiến hành một cách thường xuyên để đảm bảo cho sự thành công trong tương lai.

1.2. Các loại kế hoạch sản xuất của trang trại

Căn cứ vào góc độ thời gian có thể chia kế hoạch sản xuất thành 3 loại:

- Kế hoạch dài hạn (trên 5 năm)
- Kế hoạch trung hạn (từ 3 – 5 năm)
- Kế hoạch ngắn hạn: Kế hoạch hàng năm, kế hoạch thời vụ, kế hoạch tháng, quý, kế hoạch phân công...

1.2.1. Kế hoạch dài hạn

Đây là một kế hoạch định hướng cho sự hình thành và phát triển của trang trại. Kế hoạch dài hạn thường tập trung vào những nội dung sau:

- Xây dựng mục tiêu tổng quát dài hạn của trang trại như các chỉ tiêu về

quy mô trang trại, số lượng lao động, mức thu nhập của trang trại và đời sống của người lao động.

- Định hình phương hướng sản xuất kinh doanh: diện tích đất đai, cơ cấu sản phẩm sản xuất, sản phẩm sản xuất chính và bổ sung của trang trại.

- Những yêu cầu về vốn, lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật cần để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Những biện pháp chủ yếu về tổ chức sản xuất, tổ chức lao động và thời gian thực hiện.

1.2.2. Kế hoạch trung hạn (3 – 5 năm)

Là kế hoạch nhằm triển khai, cụ thể hóa kế hoạch dài hạn. Trong kế hoạch 3 – 5 năm có đề ra nhiệm vụ cụ thể cho từng năm kế hoạch.

Kế hoạch trung hạn thường có các loại chủ yếu: kế hoạch xây dựng cơ bản, kế hoạch sử dụng đất đai, kế hoạch lao động, kế hoạch mua sắm và sử dụng vật tư.

1.2.3. Kế hoạch ngắn hạn

- Kế hoạch hằng năm: Xác định các chỉ tiêu, hoạt động cụ thể và các biện pháp thực hiện trong một năm và là kế hoạch cụ thể hóa kế hoạch trung hạn.

Các loại kế hoạch hàng năm của trang trại như: kế hoạch ngành trồng trọt, kế hoạch ngành chăn nuôi, kế hoạch xây dựng cơ bản, kế hoạch máy móc thiết bị vật tư, kế hoạch lao động, kế hoạch phân phối và tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch tài chính...

- Kế hoạch thời vụ sản phẩm trồng trọt: Kế hoạch thời vụ xác định các chỉ tiêu, nhiệm vụ, công việc cần phải làm trong từng vụ, từng mùa nhất định.

Tùy thuộc vào thời vụ dài hay ngắn khác nhau, tùy thuộc vào thời vụ của các loại cây trồng mà các trang trại tổ chức sản xuất mà có các loại kế hoạch thời vụ trồng trọt như:

- + Kế hoạch thời vụ lớn như kế hoạch vụ đông xuân, kế hoạch vụ hè thu ...

- + Kế hoạch thời vụ được phân theo từng công đoạn của quy trình sản xuất: kế hoạch làm đất, kế hoạch gieo trồng, kế hoạch chăm sóc, kế hoạch thu hoạch, vận chuyển, chế biến...

- + Để xây dựng kế hoạch thời vụ phải dựa vào kế hoạch hàng năm của trang trại, trước hết là kế hoạch sản phẩm trồng trọt và phải dựa vào thời vụ của từng loại cây trồng đặc biệt là dựa vào quy trình sản xuất của từng loại cây trồng.

Ngoài ra còn có kế hoạch phân công lao động đi kèm để thực hiện các kế hoạch sản xuất ngắn hạn trên.

Ví dụ: Lịch thời vụ đối với cây lúa, lạc, ngô vụ Xuân 2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh.

Bảng 2.1.1. Lịch thời vụ

Cây trồng	Giống lúa	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian bắc mạ	Dự kiến thời gian cấy	
				Dương lịch	Âm lịch
Cây lúa					
Trà Xuân Trung	Xi23, NX30	160-165	15 - 20/12/2013	20 - 25/01/2014	20 - 25/12/ Quý ty
	P6	140-145	25 - 30/12/2013	25- 30/01/2014	25 - 30/12/Quý ty
Trà Xuân Muộn	Bte-1	138-142	1- 5/01/2014	25- 30/01/2014	25 - 30/12/ Quý ty
	Nhị ưu 838, N98, HT1, Syn6	135-140	5- 10/1/2014	28/1- 2/2/2014	3 - 8/01/ Giáp ngọ
	VTNA2	125-135	15- 20/01/2014	5- 10/02/2014	6 - 10/01/ Giáp ngọ
	TH3-3	120-125	20- 25/01/2014	10- 15/02/2014	10-15/01/ Giáp ngọ
Cây Ngô	Nhóm cao sản trồng thuần: CP999, LVN10, C919,...Các giống ngắn ngày: VN2, MX4, CP3Q...		15/1 - 15/2/2014		
Cây Lạc	L14, V79, L23,...	120 - 125	Trong tháng 1 kết thúc trước 25/2		

- Kế hoạch quý, tháng: Đối với sản phẩm chăn nuôi và sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, tính thời vụ sản xuất thấp cho nên có thể lập kế hoạch cho từng quý, từng tháng.

Kế hoạch quý, tháng chỉ ra các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất của từng quý, từng tháng và các biện pháp thực hiện.

- Kế hoạch phân công:

Còn gọi là kế hoạch giao khoán cho các tổ, nhóm, cá nhân người lao động trong một thời gian ngắn. Đây là loại kế hoạch cuối cùng trong hệ thống kế hoạch sản xuất kinh doanh của các trang trại.

Kế hoạch phân công lao động là loại kế hoạch rất cụ thể và rõ ràng. Thời gian thực hiện trong kế hoạch phân công có độ dài ngắn khác nhau (1 ngày, 3 ngày, 1 tuần...) phụ thuộc vào khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm công việc và trình độ, khả năng của người thực hiện công việc.

2. Xác định các căn cứ lập kế hoạch sản xuất

2.1. Nhu cầu thị trường



Hình 2.1.1. Hoạt động mua bán tại chợ

- Thị trường là cơ sở để trang trại phân biệt nên sản xuất cái gì? Sản xuất như thế nào? Sản xuất cho ai?

- Các trang trại cần phải tìm hiểu thị trường, bởi trong nền kinh tế thị trường cần sản xuất những gì mà thị trường cần chứ không phải là những gì mà mình có thể sản xuất.

- Bên cạnh đó, cần quan tâm đến đối thủ cạnh tranh, giá cả, sản phẩm thay thế. Hơn thế nữa, cần quan tâm đến thị trường tương lai, cung – cầu dài hạn để ổn định hướng sản xuất kinh doanh lâu dài đối với thị trường.

- Nhu cầu các loại nông sản đối với khách hàng có khác nhau. Có những sản phẩm là nhu cầu thường xuyên của mọi người (lương thực, thực phẩm), có những sản phẩm là nhu cầu của 1 nhóm người (cà phê, chè, thuốc lá...).

- Khi xem xét nhu cầu tiêu dùng của một sản phẩm hoặc dịch vụ cần quan tâm đến đặc điểm của thị trường và hành vi của người tiêu dùng, xu hướng biến đổi của nhu cầu, các sản phẩm thay thế... để xem xét nên lựa chọn sản phẩm nào có lợi nhất.

Ví dụ: người ta có thể sử dụng thịt lợn hay gia cầm thay cho thịt bò trong trường hợp giá thịt bò tăng nhưng giá thịt lợn hay gia cầm không tăng; trong dịp

tết thì nhu cầu tiêu dùng thịt và các loại gạo nếp tăng lên. Hay với mức giá 15.000 đồng/ kg cam, người mua sẵn sàng mua 2kg cho gia đình trong ngày hè nóng nực, nhưng nếu giá cam tăng lên 30.000 đồng/ kg thì nhiều khả năng người mua đó sẽ mua ít lại. Nhu cầu về sản phẩm cà phê thường tăng lên vào dịp lễ, tết.

2.2. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên của từng cơ sở sản xuất



Hình 2.1.2. Ruộng bậc thang



Hình 2.1.3. Đồi chè



Hình 2.1.4. Hoa ly



Hình 2.1.5. Rau

Điều kiện tự nhiên của các trang trại là yếu tố quyết định đến phương hướng sản xuất kinh doanh cũng như các kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn.

- Về mặt điều kiện tự nhiên trước hết là điều kiện thời tiết khí hậu. Mỗi vùng, mỗi trang trại có điều kiện đất đai và khí hậu khác nhau nên phải bố trí các loại cây con phù hợp tương ứng.

Ví dụ: Sản xuất gạo ở đồng bằng sông Cửu Long, cà phê Tây Nguyên, chè Thái Nguyên, chè Phú Thọ, cũng như các vùng và tiểu vùng có các loại cây, con đặc sản khác, việc phân tích kỹ các điều kiện tự nhiên để xác định và lựa chọn

cây trồng phù hợp theo nguyên tắc “đất nào cây ấy” và kết hợp nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận trên 1 đơn vị diện tích.

- Để xác định các yếu tố tự nhiên có thể lấy thông tin ở các cơ quan chuyên môn hoặc sự quan sát và thống kê nhiều năm của người dân, hoặc dựa vào kinh nghiệm thực tiễn của người dân địa phương có thể giúp trang trại quyết định lựa chọn cây trồng vật nuôi phù hợp.

2.3. Căn cứ vào nguồn lực của cơ sở sản xuất

- Đất đai, vốn, lao động, kỹ thuật là những yếu tố quyết định đến năng lực sản xuất thực tế của các trang trại, quyết định quy mô sản xuất của từng sản phẩm, khả năng mở rộng, khả năng chuyên hướng kinh doanh của trang trại.

Việc xác định được các yếu tố nguồn lực là căn cứ hữu ích cho các chủ cơ sở cân đối các nguồn lực để xây dựng kế hoạch kinh doanh cho từng công việc, từng công đoạn, từng sản phẩm, từng ngành hay cho toàn bộ trang trại.

- Ngoài ra, để lên kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng cần lưu tâm đến tình hình phân bổ các xí nghiệp chế biến, các trung tâm công nghiệp, các thành phố và tình hình tiêu thụ và vận chuyển hàng hóa cũng như các chính sách phát triển kinh tế của Chính phủ, đặc biệt là các chính sách liên quan đến sản xuất nông nghiệp. Các yếu tố này sẽ là một trong những điều kiện quan trọng để cơ sở sản xuất cân nhắc nên sản xuất sản phẩm gì? quy mô sản xuất ra sao? cách thức tiêu thụ thế nào?...

Ví dụ: Các trang trại gần các nhà máy xí nghiệp sản xuất mía đường có nên xem xét kế hoạch sản xuất mía nguyên liệu. Nếu các trang trại gần thành phố thì kế hoạch kinh doanh nên hướng đến các loại hoa quả, các loại cây trồng, vật nuôi đặc sản...

- Đối với kế hoạch sản xuất cho cây trồng, sau khi căn cứ vào nhu cầu thị trường, căn cứ vào điều kiện tự nhiên cần phân tích chi tiết các nội dung sau:

+ Những số liệu cơ bản về tình hình sản xuất và các chỉ tiêu thực hiện trong năm.

+ Nắm được diện tích và tính chất đất trồng của trang trại: diện tích đất đã đưa vào sản xuất? diện tích còn chưa đưa vào sản xuất; nắm vững từng vùng, từng khoảnh, hạng đất để tiến hành lên kế hoạch cụ thể.

+ Nắm vững được cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn vốn và khả năng vay vốn để sản xuất và mở rộng sản xuất.

+ Nắm được số lượng và chất lượng lao động của trang trại.

+ Nắm vững các định mức trong sản xuất: số loài cây trồng, vật nuôi; định mức chi phí vật tư và nhân công cho mỗi loài.

3. Lập kế hoạch sản xuất cho trồng trọt

Trong kế hoạch trồng trọt cần phải xác định toàn bộ chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu để tiến hành sản xuất cây trồng đó trong năm kế hoạch. Quy trình kỹ thuật (hay quy trình sản xuất) tốt sẽ làm cơ sở để lập kế hoạch biện pháp

trồng trọt, làm cơ sở để cân đối lao động, vật tư kỹ thuật. Nội dung chính của kế hoạch trồng trọt phải thể hiện được một số đặc điểm chủ yếu sau:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật và thời gian hoàn thành từng khâu canh tác: chuẩn bị giống, làm đất, trồng cây, chăm sóc, nuôi dưỡng...
- Định mức và hao phí vật tư chủ yếu: hạt giống, phân bón, thuốc trừ sâu, phương tiện và dụng cụ...
- Định mức và hao phí lao động: số nhân công trực tiếp, kỹ thuật, gián tiếp.
- Định mức và hao phí sức kéo: Có thể là máy móc hoặc gia súc.

Năng suất cây trồng cao hay thấp phụ thuộc vào các biện pháp kỹ thuật liên hoàn như: biện pháp canh tác, biện pháp làm đất, biện pháp thủy lợi, biện pháp chăm sóc, mật độ trồng, phòng trừ sâu bệnh, ... cho nên muốn đảm bảo kế hoạch sản xuất thực hiện tốt, nhất thiết phải có các kế hoạch biện pháp hoàn chỉnh. Kế hoạch ngành trồng trọt bao gồm một số các kế hoạch chủ yếu sau:

3.1. Kế hoạch diện tích

Xây dựng kế hoạch sử dụng đất cần thực hiện những công việc sau:

Phân tích hiện trạng đất đai của trang trại: Cần tập trung tìm hiểu một số vấn đề sau:

- Vấn đề quyền sử dụng đất: Trước hết phải xác định rõ quyền sử dụng đất của trang trại thuộc loại hình sở hữu nào? đất sở hữu đã được cấp giấy chứng nhận, đất thuê mướn, đất đấu thầu, đất khai hoang, phục hóa... Trong đó, đối với đất chưa thuộc quyền sở hữu cần xác định cụ thể về diện tích và thời gian sử dụng, thuê mướn.
- Tổng diện tích đất đang được quyền sử dụng là bao nhiêu và đang sử dụng cho sản xuất là bao nhiêu?
- Điều kiện đất đai, thổ nhưỡng tốt hay xấu;
- Vị trí địa lý của từng mảnh đất: gần nhà, xa nhà? Điều kiện thời tiết khí hậu, môi trường xung quanh của thửa đất thế nào? Loại hình đất gò đồi, đồng bằng hay vùng trũng, có thuận lợi giao thông không?
- Đối với đất chưa sử dụng: nêu rõ lý do chưa sử dụng (do vị trí địa lý, do thổ nhưỡng, điều kiện giao thông, thủy lợi? hay do trang trại thiếu lao động, thiếu vốn hay các nguồn lực khác).
- Đối với đất đang sử dụng: nêu rõ tình trạng sử dụng mảnh đất đó thế nào? Hiện đang trồng gì? Làm gì? Mấy vụ? năng suất đất đai? Có những thuận lợi và khó khăn gì khi sử dụng ruộng hay các mảnh đó?



Hình 2.1.6. Đất chăn nuôi bò sữa



Hình 2.1.7. Đất trồng rau



Hình 2.1.8. Ao, hồ cho chăn nuôi



Hình 2.1.9. Đất chăn nuôi lợn

Ví dụ: Bảng 2.1.2. Phân tích hiện trạng đất đai của trang trại

Bảng 2.1.2. Phân tích hiện trạng đất đai của trang trại

Loại đất	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Mục đích sử dụng	Hình thức sở hữu	Năng suất/giá trị SX	Ghi chú
Mảnh 1	ha	1	Hạng 4	Nuôi cá	Lâu dài		
Mảnh 2							
Mảnh 3							
Mảnh n							
Tổng diện tích							

* Sau khi tiến hành phân tích nguồn và tình hình sử dụng nguồn đất đai hiện tại, các trang trại sẽ tìm ra các phương án để sử dụng hợp lý đất đai, để làm được điều này cần phải giải quyết các câu hỏi như:

- Căn cứ vào cây trồng hiện tại, xem xét khu đất hiện tại đã sử dụng hợp lý hay chưa? Diện tích nào sử dụng hợp lý và chưa hợp lý? Nếu chuyển sang cây trồng khác thì loại nào là hợp lý và có lợi nhất?

- Đối với các diện tích hiện tại đang sử dụng có thể chuyển sang trồng cây khác không? Nếu chuyển sang các loại cây trồng khác thì điều kiện cần đầu tư, bổ sung là gì? Điều kiện nào có thể làm, điều kiện nào không thể làm?

Từ những câu hỏi đặt ra như trên, cùng với việc phân tích và nắm bắt nhu cầu của từng loại sản phẩm trên thị trường, các trang trại sẽ quyết định loài cây và diện tích trồng cây hợp lý để sử dụng có hiệu quả nguồn đất hiện tại của trang trại.

Xác định cơ cấu diện tích gieo trồng:

Xác định một cơ cấu diện tích trồng hợp lý cho kỳ kế hoạch là mục đích rất quan trọng khi lập kế hoạch diện tích sản xuất. Một cơ cấu diện tích trồng hợp lý phù hợp với điều kiện sản xuất của trang trại sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Có thể có nhiều phương án xây dựng cơ cấu diện tích gieo trồng, mỗi một phương án sẽ đem lại hiệu quả riêng biệt. Nhưng vấn đề là phải xây dựng cơ cấu diện tích gieo trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất, hợp lý nhất và phải mang tính bền vững. Các căn cứ dưới đây sẽ giúp các cơ sở sản xuất xác định được cơ cấu diện tích gieo trồng trong kỳ kế hoạch:

- Căn cứ vào điều kiện khí hậu của vùng.
- Căn cứ vào đặc điểm của mỗi loại cây trồng.
- Căn cứ vào nhiệm vụ của kế hoạch sản xuất (về đơn đặt hàng, về nhu cầu thị trường, khả năng...) đã đặt ra.
- Căn cứ vào phương hướng sản xuất, vào tính chất chuyên môn hóa của trang trại.
- Căn cứ vào hiện trạng đất, lao động, cơ sở kỹ thuật của trang trại.
- Căn cứ vào nhu cầu và giá trị kinh tế của các loại cây trồng và thích ứng với kỳ kinh doanh tiếp theo....

Xác định chế độ luân canh cây trồng kỳ kế hoạch:

Khi đã xác định được tổng diện tích đất canh tác trong kỳ kế hoạch các trang trại cần xây dựng chế độ luân canh trên từng loại ruộng đất. Xây dựng một chế độ luân canh cây trồng hợp lý cần chú ý:

- Phải căn cứ vào tính chất đất đai, khả năng tăng vụ, chuyển vụ, rải vụ trên những thửa ruộng phải xuất phát từ những nhiệm vụ của kế hoạch gieo trồng các loại cây gì đó với diện tích bao nhiêu.
- Mặt khác còn phải căn cứ vào khả năng lao động, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật của các trang trại như thế nào để xác định một công thức luân canh cây trồng hợp lý cho từng loại ruộng đất.

- Sắp xếp cây trồng nào trước, cây trồng nào sau, cần chú ý đến sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các loại cây trồng.

Ví dụ cây trồng trước thuộc họ đậu sẽ hỗ trợ cho cây trồng sau về đạm. Tránh việc độc canh, trồng một loại cây trong nhiều vụ. Tránh những công thức luân canh không hợp lý có hiệu quả kinh tế thấp đi đôi với việc trồng những cây có khả năng cải tạo chất lượng đất.

** Các bước xác định kế hoạch luân canh cây trồng:*

- Liệt kê các mô hình luân canh mà thửa ruộng hoặc mảnh đất có thể bố trí được để tìm ra tất cả các khả năng, các phương án sản xuất có thể được bố trí.

- Sử dụng phương pháp loại trừ, loại trừ những công thức luân canh không khả thi, không đáp ứng nhu cầu thị trường hoặc không có hiệu quả kinh tế.

- Trên cơ sở các công thức luân canh còn lại, chọn ra một hoặc hai hoạt động mà mảnh đất này có thể làm để cho kết quả và hiệu quả tốt nhất. Tương tự như vậy, các trang trại sẽ tiến hành lựa chọn cây trồng và kế hoạch luân canh cho tất cả các mảnh đất của hộ, trên cơ sở đó lập bảng cân đối ruộng đất cho kỳ kế hoạch.

Ví dụ: Lập bảng cân đối ruộng đất kỳ kế hoạch tổng hợp. (bảng 2.1.3)

Bảng 2.1.3. Bảng cân đối ruộng đất kỳ kế hoạch tổng hợp

Loại ruộng đất	Diện tích đầu kỳ	Diện tích ruộng đất theo		Biến động thực tế/ kế hoạch	
		Kế hoạch (ha)	Thực hiện (ha)	+/-	%
I. Đất nông nghiệp					
1. Đất canh tác hàng năm					
- Ruộng 1 vụ					
- Ruộng 2 vụ					
- Ruộng 3 vụ					
2. Đất trồng cây lâu năm					
3. Đất đồng cỏ để chăn thả					
4. Ao hồ					
II. Đất có khả năng sản xuất nông nghiệp					

Loại ruộng đất	Diện tích đầu kỳ	Diện tích ruộng đất theo		Biến động thực tế/ kế hoạch	
		Kế hoạch (ha)	Thực hiện (ha)	+/-	%
- Bãi bồi					
- Đất đồi					
- Ao hồ, đầm					
III. Đất lâm nghiệp					
IV. Đất khác					
- Đất thổ cư					
- Giao thông thủy lợi					
- Nghĩa trang					
V. Tổng diện tích đất (I +II+III+IV)					

- Xác định tình hình biến động giữa các loại đất đai của trang trại để làm cơ sở cho việc lập bảng cân đối ruộng đất tổng hợp, có thể sử dụng bảng cân đối ruộng đất theo kiểu ô bàn cờ.

- Ví dụ: Có tính hình biến động đất đai của trang trại X trong năm như sau: Tổng diện tích: 245 ha vào đầu năm. Bao gồm 4 loại đất:

+ Đất canh tác hàng năm: 180 ha, trong đó đất 1 vụ: 30 ha, đất 2 vụ: 140 ha và đất 3 vụ: 10 ha.

+ Đất trồng cỏ và thức ăn gia súc là 12 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm 8 ha.

+ Đất bãi bồi ven sông 45 ha.

Trong năm, do cải tạo hệ thống thủy lợi nên chuyển 20 ha đất canh tác 1 vụ sang trồng 2 vụ; chuyển 5 ha 3 vụ sang trồng cây lâu năm và cải tạo 15 ha đất bãi bồi ven sông sang gieo 2 vụ/năm. Chuyển 8 ha đất 2 vụ sang đất trồng cỏ và thức ăn gia súc. Yêu cầu: Lập bảng cân đối đất đai cho trang trại X.

Bảng 2.1.4. Bảng cân đối đất đai của trang trại X

Đất đai	Ký hiệu	Đầu kỳ	1	2	3	4	5	6	Cộng tăng (hàng)	Cuối Kỳ
- 1 vụ	1	30	x						-	10
- 2 vụ	2	140	20	x				15	35	167
- 3 vụ	3	10			x				-	5
- Trồng cỏ	4	12		8		x			8	20
- Cây lâu năm	5	8			5		x		5	13
- Bãi bồi	6	45						x	-	30
Cộng giảm (cột)			20	8	5	-	-	15	48	
Tổng cộng		245								245

- Nguyên tắc lập bảng cân đối đất đai theo kiểu bàn cờ:

+ Số hàng ngang biểu hiện các loại đất đúng bằng số cột biểu hiện sự biến động của các loại đất tương ứng.

+ Số liệu ở phần biến động nếu chúng ta đối chiếu theo hàng ngang thì biểu hiện loại đất đó tăng thêm và đối chiếu theo cột thì biểu hiện diện tích đó giảm đi.

+ Thể hiện biến động giữa các loại đất đai trong trang trại. Còn phần đất đai được cho hoặc chuyển nhượng từ trang trại này sang trang trại khác không thể hiện trong bảng này.

+ Tổng diện tích tăng trong năm bằng tổng diện tích giảm trong năm.

3.2. Kế hoạch năng suất

Năng suất cây trồng thu hoạch được trên 1 đơn vị diện tích nói lên trình độ canh tác, trình độ thâm canh của trang trại là cao hay thấp.

Khi lập kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt cần phải xác định năng suất của cây trồng tương đối chính xác, có cơ sở khoa học.

Do sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên nên năng suất cây trồng hàng năm tăng giảm cũng phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên thuận lợi hay khó khăn. Vì vậy muốn xác định năng suất từng loại cây cần dựa vào năng suất bình quân các năm và điều kiện thâm canh của năm kế hoạch.

3.3. Kế hoạch sản lượng

- Nhu cầu về sản lượng sản phẩm cây trồng được tính dựa trên nhu cầu của thị trường hoặc theo đơn đặt hàng.

- Cần xác định khả năng về sản lượng các loại cây trồng của trang trại. Phải tính toán cụ thể xem gieo trồng loại cây gì với diện tích và năng suất bao nhiêu. Sản lượng được tính:

$$\text{Sản lượng} = \text{Diện tích} \times \text{năng suất}$$

- Cân đối giữa nhu cầu và khả năng sản xuất của trang trại. Nếu giữa nhu cầu và khả năng sản xuất sản phẩm không cân đối, nhu cầu đòi hỏi cao mà khả năng chưa đáp ứng với nhu cầu, thì cần có những biện pháp giải quyết tích cực hoặc tăng năng suất cây trồng hoặc mở rộng diện tích gieo trồng để đảm bảo kế hoạch đề ra.

Sau khi đã xác định được kế hoạch về diện tích, năng suất, sản lượng, các trang trại sẽ tổng hợp toàn bộ hệ thống chỉ tiêu nhiệm vụ sản xuất vào bảng tổng hợp về diện tích, năng suất và sản lượng cây trồng.

Ví dụ: Kế hoạch diện tích, năng suất, sản lượng (*Định mức Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai, kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh*)

Bảng 2.1.5. Kế hoạch diện tích, năng suất, sản lượng

Số TT	Cây trồng	Diện tích kế hoạch (ha)	Năng suất kế hoạch (tấn/ha)	Sản lượng kế hoạch
1	Lúa	12 ha	6,5	78 tấn
2	Bắp lai	5 ha	10	50 tấn
3	Dưa leo	7 ha	32	224 tấn
4	Đậu xanh	6 ha	2,2	13,2 tấn

3.4. Kế hoạch biện pháp cho trồng trọt

Năng suất cây trồng cao hay thấp phụ thuộc vào các biện pháp kỹ thuật liên hoàn như: biện pháp canh tác, biện pháp làm đất, biện pháp thủy lợi, biện pháp chăm sóc, mật độ trồng, phòng trừ sâu bệnh, ... cho nên muốn đảm bảo kế hoạch sản xuất thực hiện tốt, nhất thiết phải có các kế hoạch biện pháp hoàn chỉnh. Kế hoạch biện pháp ngành trồng trọt bao gồm một số các kế hoạch biện pháp chủ yếu sau:

3.4.1. Kế hoạch làm đất

Kế hoạch làm đất như cày, bừa, cuốc lấp hố... đây là một trong những yêu cầu quan trọng vì đảm bảo yêu cầu về thời vụ giúp cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, hạn chế sâu bệnh, cỏ dại, tăng năng suất cây trồng.

Căn cứ vào diện tích đất và yêu cầu kỹ thuật của cây trồng...để xây dựng kế hoạch làm đất. Xây dựng kế hoạch làm đất là xác định:

- Diện tích làm đất theo từng loại cây trồng;
- Thời gian làm đất;
- Yêu cầu kỹ thuật làm đất;
- Quy trình làm đất;
- Khối lượng công việc làm đất (có thể qui ra đơn vị tiêu chuẩn);
- Công cụ lao động;
- Số công làm đất cho từng loại cây trồng.

Ví dụ:

Bảng 2.1.6. Kế hoạch làm đất

Số TT	Diện tích làm đất theo cây trồng	Vụ trồng	Yêu cầu kỹ thuật	Quy trình làm đất	Khối lượng công việc	Công cụ lao động	Số công lao động
1	Lúa: 12 ha	Đông Xuân	Cày, bừa đất 3 lần	Cày phơi ải Bừa	Cày 36 ha Bừa 36 ha	Cày Bừa	180 công 180 công
2	Bấp lai: 5 ha	Đông Xuân	Làm đất Lên luống	Cày phơi ải Lên luống	Làm đất 5 ha Lên luống 5 ha	Cày Cuốc	50 công 50 công
3	Dưa leo: 7 ha	Đông Xuân	Làm đất Lên luống	Cày đất, phơi ải Lên luống	Cày 7 ha Lên luống 7 ha	Cày Cuốc	70 công 140 công
4	Đậu xanh: 6 ha	Đông Xuân	Làm đất Dọn cỏ	Cày phơi ải Bừa Dọn cỏ	Làm đất 6 ha Dọn cỏ 6 ha	Cày Cuốc	60 công 60 công
Tổng số công							1370 công

3.4.2. Kế hoạch giống cây trồng

- Xác định kế hoạch giống cần căn cứ vào:
 - + Diện tích trồng của kế hoạch từng vụ trồng;
 - + Kế hoạch hàng năm;
 - + Lượng giống của từng loại cây trồng trên đơn vị diện tích.



Hình 2.1.10. Vườn ươm cây giống

- Tùy vào các loại cây trồng và từng thời vụ mà cách tính số lượng giống cũng khác nhau. Xây dựng kế hoạch giống phải có số lượng dự trữ phòng khi phải gieo cấy hoặc trồng lại vì hư hỏng.

- Trong khi xây dựng kế hoạch giống cần chú ý đến các loại giống có năng suất cao; những hạt giống có thời gian sinh trưởng ngắn có thể gieo trồng cho phần lớn hoặc toàn bộ diện tích. Cần căn cứ vào nhu cầu thị trường để lựa chọn các loại giống đa dạng, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Sau khi lựa chọn giống, các trang trại sẽ tiến hành xây dựng lịch thời vụ và kế hoạch luân canh để đảm bảo cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, hạn chế sâu bệnh.

$$\text{Số lượng giống} = \text{Diện tích gieo trồng} \times \text{Mật độ gieo trồng} + \text{Tỷ lệ dự phòng}$$

Ví dụ: Kế hoạch giống cây trồng (Định mức Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai, kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh)

Bảng 2.1.7. Kế hoạch giống cây trồng

Số TT	Giống cây trồng	Số lượng giống kế hoạch					
		Diện tích gieo trồng	Mật độ gieo trồng	Số lượng giống cần	Dự phòng		Tổng số giống cần
					Tỷ lệ (%)	Số lượng	
1	Lúa	12 ha	110 kg/ha	1320 kg	10	132 kg	1452 kg
2	Bắp lai	5 ha	25 kg/ha	125 kg	10	12,5 kg	137,5 kg
3	Dưa leo	7 ha	2 kg/ha	14 kg	10	1,4 kg	15,4 kg
4	Đậu xanh	6 ha	40 kg/ha	240 kg	10	24 kg	264 kg

Sau khi xác định được số lượng và chất lượng của từng loại giống các cơ sở sẽ tiến hành cân đối xem hiện tại trang trại đã có số lượng từng loại giống là bao nhiêu, so với nhu cầu kế hoạch là đã đủ hay thiếu. Nếu thiếu cần có kế hoạch chủ động mua vào nhằm đáp ứng lịch thời vụ của từng loại cây trồng.

3.4.3. Kế hoạch phân bón



Hình 2.1.11. Một số loại phân bón

- Phân bón là yếu tố quan trọng góp phần cải tạo đất và nâng cao năng suất của cây trồng. Bón phân đúng liều lượng, chất lượng, bón đúng lúc, đúng kỹ thuật sẽ làm cho năng suất cây trồng tăng lên nhanh chóng, chi phí cho 1 đơn vị sản phẩm giảm và hiệu quả kinh tế của 1 kg phân bón sẽ tăng.

- Khi lập kế hoạch về phân bón chúng ta cần căn cứ theo yêu cầu kỹ thuật trồng cây.

- Căn cứ để xác định khối lượng phân bón:

- + Diện tích gieo trồng từng loài cây hoặc số lượng cây trồng của từng loài.
- + Đặc điểm lý hoá tính đất.
- + Lịch bón phân cho từng loại cây trồng.
- + Loại phân bón cho từng loài cây trồng.
- + Mức (liều lượng) bón cho từng loài cây, loại đất.

Ví dụ: Kế hoạch phân bón (*Định mức Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai, kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh*)

Bảng 2.1.8. Tổng hợp kế hoạch phân bón

Số TT	Cây trồng	Diện tích (ha)	Loại phân bón				Vôi bột (kg)
			Urê (kg)	Lân Supe (kg)	Kali Clorua (kg)	Phân hữu cơ hoai mục (kg)	
1	Lúa	12	2640	5400	1800	120000	6000
2	Bắp lai	5	2000	2500	1000	50000	2500
3	Dưa leo	7	1750	2800	1750	210000	3000
4	Đậu xanh	6	690	1800	600	42000	3000

Lưu ý: Vôi không phải là phân bón mà nó chỉ là một chất khoáng có tác dụng trung hòa độ chua của đất. Đất không chua hoặc ít chua sẽ làm cho cây trồng hấp thu được nhiều chất dinh dưỡng của đất, năng suất của cây trồng do đó sẽ tăng lên. Bón vôi ở đâu, khối lượng bao nhiêu thì căn cứ vào độ pH của từng thửa ruộng mà xác định. Cho nên khi cân đối trong phần nhu cầu chỉ cần tổng hợp toàn bộ nhu cầu về vôi, không cần chi tiết đối với từng loại cây trồng.

3.4.4. Kế hoạch phòng trừ sâu bệnh

- Kế hoạch phòng trừ sâu bệnh bao gồm việc dự đoán tình hình sâu bệnh có thể diễn ra đối với cây trồng (cả giai đoạn gieo ươm và sau khi trồng) và xác định các phương pháp phòng trừ thích hợp.

- Cần phải dự trữ số thuốc cần thiết để có thể dập tắt sâu bệnh trong thời gian ngắn nhất với quy mô tương đối lớn. Tất nhiên không phải đợi sâu, bệnh lan ra và phát thành dịch mới diệt mà phải có kế hoạch phòng ngừa trước. Phải có kế hoạch bảo quản thuốc và các dụng cụ, thiết bị để lúc cần thiết là có thể dùng được ngay.



Hình 2.1.12. Kiểm tra sâu bệnh



Hình 2.1.13. Phun thuốc cho lúa

- Xây dựng kế hoạch phòng trừ sâu bệnh căn cứ vào:
 - + Đặc điểm sinh trưởng và phát triển của từng loại cây trồng;
 - + Kinh nghiệm các năm trước;
 - + Thời gian phát sinh, thời gian phá hoại nghiêm trọng của sâu bệnh.
 - Cần phải có kế hoạch kiểm tra, phát hiện, dự báo kịp thời và chủ động nhằm khắc phục sự lây lan dịch bệnh trên diện rộng cho các loại cây trồng.
- Ngoài ra, các trang trại căn cứ vào đặc điểm của từng loại cây trồng để xây dựng lịch trình làm cỏ, phòng trừ sâu bệnh, kết hợp với các biện pháp khác như bón phân và tưới nước...



Hình 2.1.14. Một số loại thuốc trừ sâu

Ví dụ: Dự tính lượng thuốc Bảo vệ thực vật (Định mức Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai, kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh)

Bảng 2.1.9. Kế hoạch thuốc Bảo vệ thực vật của 1 số cây

Số TT	Cây trồng	Diện tích (ha)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Lúa	12	kg	60
2	Bắp lai	5	kg	50
3	Dưa leo	7	kg	140
4	Đậu xanh	6	kg	60

Ngoài những kế hoạch trên còn có kế hoạch như cày, bừa, gieo cấy, chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển, chế biến... một trong những yêu cầu quan trọng của các loại kế hoạch này là đảm bảo chất lượng canh tác, giúp cây trồng sinh trưởng, hạn chế sâu bệnh, cỏ dại, tăng năng suất cây trồng, gieo trồng và thu hoạch đúng thời vụ.

3.4.5. Kế hoạch về thủy lợi



Hình 2.1.15. Các cách tưới nước

Thủy lợi là một trong những biện pháp quan trọng của xuất trồng trọt, hơn nữa điều kiện thiên nhiên nước ta còn gặp nhiều khó khăn, khi hạn hán, khi thì lụt úng, năng suất cây trồng phụ thuộc phần lớn vào điều kiện tự nhiên. Trong khi đó, cây trồng nước ta thuộc loại nhiệt đới, yêu cầu về độ ẩm rất cao đặc biệt là cây lúa là loại cây trồng hoàn toàn sinh trưởng và phát triển trong môi trường

nước. Nếu như các trang trại chủ động được nguồn nước cần thì cây trồng sẽ nâng cao năng suất rõ rệt. Cho nên công tác thủy lợi giữ một vị trí rất quan trọng góp phần nâng cao năng suất cây trồng. Chính vì vậy mà hàng năm các trang trại cần phải tiến hành lập kế hoạch biện pháp về thủy lợi.

Kế hoạch thủy lợi của các cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm việc xác định nhu cầu và tiến hành cân đối.

Trước hết các trang trại cần xác định nhu cầu thủy lợi trong năm tức là xác định:

- Diện tích cần tưới tiêu chủ động.
- Diện tích cần tưới tiêu do:
 - + Máy bơm;
 - + Guồng nước;
 - + Gầu tát...
 - + Diện tích cần đắp bờ vùng, bờ thửa;
 - + Khối lượng đất cần đào đắp trong năm kế hoạch (hệ thống thủy lợi);
 - + Số lượng máy bơm nước và các công cụ tát nước cần có trong năm kế hoạch.
- Căn cứ để lập kế hoạch thủy lợi:
 - + Yêu cầu của cây trồng về độ ẩm;
 - + Diện tích gieo trồng từng loại cây;
 - + Mức nước tưới cho từng loại cây;
 - + Điều kiện về công cụ và nguồn nước.

Bảng 2.1.10. Kế hoạch tưới nước

Loại đất	Diện tích tưới	Loại cây trồng	Lịch tưới	Số lần tưới	Công cụ tưới	Ghi chú
Mảnh 1						
Mảnh 2						
Mảnh 3						
.....						

Sau khi xác định được nhu cầu cần tưới tiêu nước trong kỳ kế hoạch, các trang trại sẽ tiến hành xác định khả năng thỏa mãn nhu cầu đó. Ở những vùng diện tích chưa có hệ thống thủy lợi đồng bộ cần có những biện pháp cần thiết như sử dụng máy bơm nước, hay các công cụ tát cải tiến nhằm đảm bảo kế hoạch sinh trưởng và phát triển, nâng cao năng suất của cây trồng.

4. Lập kế hoạch sản xuất cho chăn nuôi

4.1. Kế hoạch sản lượng, số lượng và năng suất vật nuôi

Xác định sản lượng vật nuôi kế hoạch cần dựa theo nhu cầu của thị trường. Công thức tính như sau:

$$\text{Sản lượng vật nuôi kế hoạch} = \text{Số lượng vật nuôi kế hoạch (con)} \times \text{Năng suất vật nuôi kế hoạch (kg)}$$

Ví dụ: Kế hoạch số lượng, năng suất, sản lượng vật nuôi (*Định mức Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai, kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh*)

Bảng 2.1.11. Kế hoạch số lượng, năng suất, sản lượng vật nuôi

Số TT	Vật nuôi	Số lượng (con)	Năng suất vật nuôi (kg/con)	Sản lượng vật nuôi (kg)
1	Heo nái	500	80	8000
2	Gà siêu thịt	2400	3	7200
3	Ngan siêu thịt	12000	4	48000

4.2. Kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi

Chu chuyển đàn vật nuôi là sự di chuyển hay thay đổi thành phần các nhóm vật nuôi (cái, đực, lớn, nhỏ) của đàn trong thời gian nhất định.

Chu chuyển đàn vật nuôi hợp lý là một nội dung không thể thiếu được của hệ thống chăn nuôi hợp lý, nó góp phần tái sản xuất đàn vật nuôi, hoàn thành kế hoạch chăn nuôi, làm cơ sở xây dựng kế hoạch thức ăn chăn nuôi, xác định nhu cầu vật tư, lao động cần thiết cho chăn nuôi. Do vậy các trang trại cần phải xây dựng và thực hiện kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi.

*** Những căn cứ xây dựng kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi:**

- Điều kiện tự nhiên của tái sản xuất đàn vật nuôi: Thời gian sinh trưởng về sinh lý và thể xác của đàn vật nuôi bao gồm:

- + Thời gian có chửa của từng loại vật nuôi;
- + Thời gian động dục sau khi đẻ và chu kỳ động dục của con cái sinh sản;
- + Số con đẻ ra trong 1 lứa và số lứa đẻ trong 1 năm của con cái sinh sản.

Ví dụ:

Bảng 2.1.12. Điều kiện tự nhiên của tái sản xuất đàn gia súc

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Các loại gia súc		
		Trâu	Bò	Lợn
Thời gian có chửa	Ngày	310 – 340	280 – 285	105
Thời gian động đực sau khi đẻ	Ngày	Ngày	16 – 28	45 – 60
Chu kỳ động đực	Ngày	28	25	18 -22
<i>Thời gian con cái:</i>				
Trưởng thành về sinh lý	Tháng	12 – 16	8 – 12	5 – 7
Trưởng thành về thể chất	Tháng	30 – 36	18 – 24	8 – 12
<i>Thời gian sử dụng gia súc</i>				
Làm việc	Năm	10 – 15	10 -12	
Sinh sản	Năm	8 – 10	8	3 – 5
Số con đẻ trong 1 lứa	Con	1	1	7 - 13

- Điều kiện tổ chức kinh tế:
 - + Thời gian phối giống cho vật nuôi sinh đẻ thích hợp nhất;
 - + Thời gian sử dụng có hiệu quả vật nuôi sinh sản và làm việc;
 - + Thời gian nuôi dưỡng, chăm sóc các nhóm vật nuôi trong đàn hợp lý và hiệu quả nhất;
 - + Thời gian tiêu thụ sản phẩm có lợi nhất.
- Các chỉ tiêu kế hoạch chăn nuôi có liên quan trực tiếp đến chu chuyển đàn vật nuôi:
 - + Số lượng vật nuôi các nhóm đầu kỳ kế hoạch;
 - + Số lượng vật nuôi mua thêm theo kế hoạch;
 - + Số lượng và thời gian bán ra theo kế hoạch;
 - + Số lượng và thời gian loại thải theo kế hoạch.
- * **Kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi:**

Tùy theo từng loại vật nuôi khác nhau mà thời gian chu chuyển cũng khác nhau: tuần, tháng, quý, năm. Đối với những vật nuôi lớn, thời gian thay đổi từ nhóm này sang nhóm khác tương đối chậm thì bảng chu chuyển có thể đặt ra hàng năm, còn đối với những vật nuôi nhỏ như lợn thời gian thay đổi từ nhóm

này qua nhóm khác là khá nhanh vì vậy bảng chu chuyển cần lập ra hàng tháng và hàng năm.

- Trong kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi có những chỉ tiêu sau đây:
- + Các nhóm vật nuôi (có phân chia theo nhóm đực, nái, các nhóm tuổi).
- + Số vật nuôi có đầu kỳ kế hoạch.
- + Tình hình tăng (để, chuyển đến từ nhóm dưới lên, mua vào), giảm (giết thịt, bán, chuyển nhóm, hao hụt) trong kỳ kế hoạch.
- + Số vật nuôi cuối kỳ kế hoạch.
- + So sánh số vật nuôi cuối kỳ với đầu kỳ kế hoạch.

$$\text{Số vật nuôi cuối kỳ} = \text{Số vật nuôi đầu kỳ} + \text{Số tăng lên trong kỳ} - \text{Số giảm đi trong kỳ}$$

Ví dụ: Trang trại A chăn nuôi lợn đầu năm 2013 có 5 con lợn con, 3 con lợn nái sinh sản và trong năm 2013 sinh được 30 con lợn con. Trong năm 2013 trang trại còn mua vào 5 con lợn con và được chuyển đến 4 con để nuôi thành lợn thịt. Trong năm này, trang trại đã bán 7 con lợn thịt, 8 lợn giống, 9 lợn bán nuôi vỗ béo, chuyển đi 10 con. Ta có bảng chu chuyển đàn lợn theo bảng sau:

Bảng 2.1.13. Bảng chu chuyển đàn gia súc của trang trại A

Các nhóm gia súc	Số gia súc đầu kỳ	Tăng lên trong kỳ				Giảm đi trong kỳ					Số gia súc cuối kỳ
		Đẻ ra	Chuyển đến	Mua vào	Tổng cộng	Bán thịt	Bán giống	Bán nuôi béo	Chuyển đi	Tổng giảm	
Lợn	5	30	4	5	39	7	8	9	10	34	10

4.3. Kế hoạch biện pháp chăn nuôi

4.3.1. Kế hoạch chuồng trại

- *Yêu cầu chính của chuồng trại:*

+ Chuồng trại phải thích hợp với sinh lý và chức năng sản xuất của từng loại vật nuôi, đảm bảo mùa đông ấm áp, mùa hè mát, hạn chế được dịch bệnh.

+ Chuồng trại phải thuận tiện cho việc tổ chức các quá trình lao động, áp dụng các công cụ cải tiến, cơ giới hóa, tạo điều kiện tăng nhanh năng suất lao động trong chăn nuôi.

+ Thuận tiện tận thu nguồn nước và phân của vật nuôi.

+ Phù hợp với quy mô thực tế của đàn và phù hợp với quy mô và cơ cấu tổ chức của vật nuôi.

+ Sử dụng đất xây dựng phải hợp lý, tận dụng được nguồn vật liệu tự có,

đảm bảo bền vững, giá thành hợp lý.

- *Quy hoạch chuồng trại:*

Khi quy hoạch chuồng trại cần lưu ý một số vấn đề sau:

+ Chọn hướng chuồng mặt trước theo hướng nam hoặc đông nam để nhận ánh sáng tự nhiên, tránh được gió lạnh mùa đông bắc, gió mùa tây nam, chuồng có đủ ánh sáng...

+ Vị trí đặt chuồng: chọn nơi bằng phẳng, cao ráo, thoáng mát, có nguồn nước sạch dồi dào, xa khu dân cư, trường học, đường giao thông chính.



Hình 2.1.16. Vị trí đặt chuồng

Việc bố trí các công trình phục vụ (nhà chế biến thức ăn), kho chứa thức ăn, để dụng cụ, kho chứa phân đặc, bể chứa phân nước... ở gần hay xa khu vực chuồng trại là do những yêu cầu về tổ chức, kinh tế trong sản xuất và sinh hoạt của các cơ sở.

- Diện tích mặt bằng phải đảm bảo theo định mức bao gồm chỗ ở, sân chơi, máng ăn, máng uống và các công trình phục vụ.

- Kiểu chuồng: Hiện nay trong chăn nuôi có nhiều kiểu chuồng khác nhau. Tuy nhiên dù sử dụng kiểu chuồng nào cũng cần đảm bảo được các yêu cầu sau:

- + Đảm bảo độ thông thoáng;
- + Ấm áp về mùa đông, thoáng mát về mùa hè;
- + Đảm bảo kỹ thuật, dễ vệ sinh;
- + Đảm bảo đủ diện tích nuôi, đảm bảo về mật độ nuôi;
- + Xa khu dân cư.



Hình 2.1.17. Kiểu chuồng kín



Hình 2.1.18. Kiểu chuồng hở

- Bố trí các công trình, các thiết bị kỹ thuật khác trong khu vực chăn nuôi:
- + Hệ thống dẫn nước đến các chuồng.
- + Hệ thống đường vận chuyển đi lại trong khu vực chăn nuôi.
- + Hệ thống lấy phân và cống dẫn nước phân.
- + Bố trí trồng cây xung quanh
- + Xây dựng các hầm biogas tận dụng phế thải từ phân và nước tiểu.
- + Xây dựng các ao hồ tận dụng nước thải và phân các loại gia súc để nuôi cá...

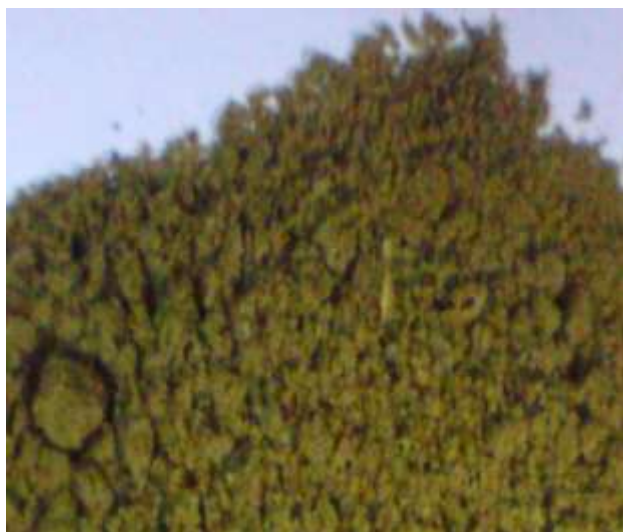
4.3.2. Kế hoạch thức ăn cho chăn nuôi

- Thức ăn là yếu tố quan trọng nhất của việc chăn nuôi trong các trang trại, nó quyết định thể chất và sức sinh sản của vật nuôi. Tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi phải đáp ứng yêu cầu sau:

- + Đủ số lượng thức ăn cho các loại vật nuôi, cho từng nhóm vật nuôi.
- + Chất lượng thức ăn phù hợp với yêu cầu dinh dưỡng của các vật nuôi trong từng thời kỳ.
- + Cung cấp thức ăn kịp thời ổn định.
- + Giá thành thức ăn hợp lý.

- *Tính toán nhu cầu thức ăn cho vật nuôi:* dựa vào khẩu phần ăn cho từng nhóm vật nuôi. Khẩu phần ăn được tính bằng khối lượng các loại thức ăn cung cấp cho con vật trong một ngày đêm.

$$\begin{array}{l} \text{Nhu cầu thức} \\ \text{ăn của nhóm} \\ \text{vật nuôi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nhu cầu thức ăn} \\ \text{trung bình/con} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số vật nuôi} \\ \text{trong nhóm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số ngày} \\ \text{chăn nuôi} \\ \text{của nhóm} \end{array}$$



Hình 2.1.19. Bột cá



Hình 2.1.20. Bột ngô



Hình 2.1.21. Rau xanh



Hình 2.1.22. Sắn

Ví dụ: Kế hoạch thức ăn cho lợn (bảng 2.1.9)

Bảng 2.1.14. Kế hoạch thức ăn

Giai đoạn nuôi	Số vật nuôi (con)	Thời gian chăn nuôi (ngày)	Mức tiêu thụ thức ăn trung bình/con/ ngày (kg)	Tổng lượng thức ăn (kg)
Lợn 15 kg-30 kg	1200	45	2	108.000
Lợn 30 kg-60 kg	1500	100	3,5	525.000

4.3.3. Kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho vật nuôi

Công tác tổ chức phòng trừ dịch bệnh cho vật nuôi cần đảm bảo các yêu

câu cơ bản sau:

- Lựa chọn, nhân giống vật nuôi có sức kháng bệnh cao.
- Các loại vật nuôi khi nhập vào đàn yêu cầu phải nhốt riêng để kiểm tra sức khỏe, sau 1 đến 2 tuần để loại các con bị bệnh tật.
- Mỗi trang trại cần có các chuồng cách ly để chủ động khi có dịch bệnh cách ly những vật nuôi bị bệnh ra khỏi đàn để điều trị, tránh lây lan trên diện rộng cho đàn vật nuôi.
- Khi nhập đàn vật nuôi phải tiêm phòng các loại thuốc để tránh dịch bệnh.
- Định kỳ tiêm phòng đối với các loại bệnh thường xuyên xảy ra đối với từng loại vật nuôi, với phương châm phòng hơn tránh.
- Cung cấp thức ăn cần đảm bảo đủ số lượng và chất lượng để vật nuôi phát triển tốt, tăng sức đề kháng, chống chịu bệnh tật.

Ví dụ về công tác phòng dịch bệnh cho đàn lợn:

- Vệ sinh phòng trừ dịch bệnh: quét dọn, rửa chuồng, giữ chuồng và sân khô sạch thường xuyên; tắm cho đàn lợn nái, lợn đực giống; xử lý nguồn rác thải và phân đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh, diệt các loại ký sinh trùng gây bệnh, diệt chuột...

- Tiêm phòng và trị bệnh đối với nái chữa: tẩy giun sán và tắm ghẻ cho lợn nái chữa 10 – 14 ngày trước khi đẻ. Tiêm phòng định kỳ năm 2 lần (tháng 5, tháng 10, hoặc trước khi phối giống) các loại vắc xin dịch tả, tụ huyết trùng, tiêm bổ sung sắt cho lợn sau khi đẻ...

5. Lập kế hoạch tiến độ sản xuất

Sau khi đã lên kế hoạch ngành trồng trọt và chăn nuôi. Cần xem xét thời điểm nuôi trồng một cách thích hợp nhất, xác định quá trình sinh trưởng và thu hoạch để có biện pháp luân canh cây trồng, chu chuyển đàn vật nuôi.

Cần nắm rõ lịch thời vụ đối với từng loại cây trồng vật nuôi đảm bảo việc thực hiện từng công việc hợp lý và kịp thời. Trong sản xuất nông nghiệp, có thể sử dụng biểu đồ GANTT để kiểm soát tiến độ.

Ví dụ:

Bảng 2.1.15. Tiến độ sản xuất cho một số cây trồng

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lúa	Chuẩn bị đất		Trồng	Chăm sóc		Thu hoạch						
Bắp lai							Chuẩn bị đất		Trồng	Chăm sóc		Thu hoạch

B. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi:

- 1.1. Anh (chị) hãy cho biết những lợi ích của việc lập kế hoạch sản xuất?
 - a. Giúp người quản lý trang trại chỉ đạo sản xuất có khoa học
 - b. Tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu của trang trại
 - c. Kế hoạch sẽ luôn mang lại lợi nhuận cao cho trang trại
 - d. Đáp án a và b đúng.
- 1.2. Anh (chị) hãy kể tên các loại kế hoạch sản xuất.
- 1.3. Trình bày các bước xây dựng kế hoạch sử dụng đất.
- 1.4. Anh (chị) hãy cho biết các căn cứ để xác định kế hoạch giống cây trồng.
- 1.5. Nêu các yêu cầu chính của chuồng trại.
- 1.6. Nêu các chỉ tiêu trong kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi.
- 1.7. Chọn câu trả lời Đúng/ Sai cho các nhận định dưới đây:
 - 1.7.1. Năng suất cây trồng cao hay thấp hoàn toàn phụ thuộc vào việc lựa chọn cây giống.

☐ Đúng
☐ Sai
 - 1.7.2. Trang trại cần sản xuất những gì mà thị trường cần chứ không phải là những gì mà mình có thể sản xuất.

☐ Đúng
☐ Sai
 - 1.7.3. Khi phân tích nhu cầu thị trường, chủ trang trại cần quan tâm đến giá cả của đối thủ cạnh tranh

☐ Đúng
☐ Sai

2. Bài tập thực hành:

Bài tập thực hành 2.1.1. Lập kế hoạch sản xuất cho hoạt động trồng trọt hoặc chăn nuôi một số loại sản phẩm như: nấm hoặc một số loại rau, cây ăn quả, vật nuôi,...ở trang trại (học viên có thể tự chọn loại cây trồng/ vật nuôi).

C. Ghi nhớ

1. Lập kế hoạch sản xuất là một việc làm cần thiết đối với mỗi trang trại hay cơ sở sản xuất.
2. Việc lập kế hoạch sản xuất cần thu thập đầy đủ các thông tin cần thiết nhằm phục vụ cho việc lập kế hoạch chi tiết, đáp ứng mục tiêu sản xuất.
3. Kế hoạch sản xuất là tập hợp các dự kiến thực hiện được sắp xếp theo một trình tự nhất định nhằm đạt được mục tiêu đã đặt ra.

Bài 02. LẬP KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG

Mã bài: MD02-02

Mục tiêu:

- Tính toán được nhu cầu lao động cho trang trại;
- Lập được bản kế hoạch lao động;
- Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, trách nhiệm.

A. Nội dung

1. Đặc điểm của lao động trong nông nghiệp

- Lao động nông nghiệp sống và làm việc rải rác trên địa bàn rộng. Đặc điểm này làm cho việc tổ chức hợp tác lao động và việc bồi dưỡng đào tạo, cung cấp thông tin cho lao động nông nghiệp là rất khó khăn.

- Lao động nông nghiệp ở khu vực nông thôn có trình độ văn hoá và chuyên môn thấp hơn so với thành thị. Tỷ lệ lao động nông nghiệp đã qua đào tạo chiếm một tỷ lệ thấp. Lao động nông nghiệp chủ yếu học nghề thông qua việc hướng dẫn của thế hệ trước hoặc tự truyền cho nhau nên lao động theo truyền thống và thói quen là chính. Điều đó làm cho lao động nông nghiệp có tính bảo thủ nhất định, tạo ra sự khó khăn cho việc thay đổi phương hướng sản xuất và thực hiện phân công lao động.

- Lao động nông nghiệp mang tính thời vụ rõ rệt, đặc biệt là các vùng nông thôn thuần nông. Do vậy, việc sử dụng lao động trong nông nghiệp kém hiệu quả. Vì vậy, cần có biện pháp nhằm hạn chế đến mức tối đa tính thời vụ bằng cách phát triển đa dạng ngành nghề trong nông thôn, thâm canh tăng vụ, xây dựng cơ cấu cây trồng hợp lý.

- Lao động nông nghiệp có khả năng tiếp cận và tham gia thị trường kém, thiếu khả năng nắm bắt và xử lý thông tin thị trường, khả năng hạch toán hạn chế. Do đó, khả năng giao lưu và phát triển sản xuất hàng hoá hạn chế.

2. Lập kế hoạch lao động

2.1. Phân tích nguồn lao động của trang trại

- Cần trả lời các câu hỏi:

+ Trang trại có bao nhiêu lao động? Bao nhiêu người có thể trực tiếp tham gia lao động?

+ Trang trại đã thuê thêm bao nhiêu lao động bên ngoài thường xuyên, hay thời vụ để phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ Trình độ, tay nghề của từng lao động trong các lĩnh vực cụ thể, kinh nghiệm lao động trong từng lĩnh vực cụ thể, tình trạng sức khỏe và khả năng tham gia của từng lao động?

- Phân tích tình hình sử dụng lao động:

+ Hiện tại số lao động đang trực tiếp tham gia làm việc.

- + Số giờ làm việc trong ngày, số ngày làm việc trong tháng...
- + Trình độ chuyên môn của từng lao động.

Quá trình phân tích nguồn lao động sẽ giúp cho các trang trại đánh giá được thực trạng về nguồn lao động của cơ sở mình. Từ đó làm căn cứ cho các cơ sở lập kế hoạch lao động nhằm đảm bảo đủ nguồn nhân lực tiến hành sản xuất, phát huy hết khả năng về lao động hiện có trong các trang trại.

2.2. Xác định nhu cầu về số lượng và chất lượng lao động

2.2.1. Nhu cầu về số lượng lao động

Nhu cầu về số lượng lao động trong các trang trại căn cứ vào:

- Các kế hoạch sản xuất kinh doanh của các trang trại bao gồm kế hoạch trồng trọt, kế hoạch chăn nuôi...

- Trình độ trang thiết bị kỹ thuật của các trang trại: việc áp dụng các máy móc kỹ thuật hiện đại sẽ làm tăng năng suất lao động bình quân và số lượng lao động cũng giảm đi tương ứng.

- Căn cứ vào quy trình sản xuất và các tiêu chuẩn kỹ thuật để xác định số lượng lao động trong từng khâu cho từng cây trồng và từng loại vật nuôi.

- Căn cứ vào định mức lao động: là việc xác định số lượng công việc hay số sản phẩm làm ra trong 1 đơn vị thời gian nhất định hoặc thời gian hao phí để hoàn thành 1 khối lượng công việc hay sản phẩm.

Ví dụ: Nhu cầu lao động cho một số loại cây trồng, vật nuôi (*Định mức Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai, kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh*)

Bảng 2.2.1. Nhu cầu lao động cho một số loại cây trồng

Số TT	Cây trồng	Công việc	Diện tích (ha)	Công lao động/ ha	Tổng số công lao động cần
1	Lúa	I. Làm đất	12	10	120
		II. Gieo sạ	12	2	24
		III. Chăm sóc	12	15	180
		IV. Cắt, gom, suốt	12	22	264
		V. Vận chuyển, phơi	12	10	120
Tổng số công cho việc trồng lúa					708

Số TT	Cây trồng	Công việc	Diện tích (ha)	Công lao động/ ha	Tổng số công lao động cần
2	Bắp lai	I. Làm đất	5	10	50
		II. Lên luống	5	10	50
		III. Gieo hạt	5	10	50
		IV. Chăm sóc	5	30	150
		V. Thu hoạch	5	25	125
		VI. Bóc vỏ, tách hạt	5	5	25
Tổng số công cho việc trồng cây bắp lai					450
3	Dưa leo	I. Làm đất	7	10	70
		II. Lên luống	7	20	140
		III. Làm giàn	7	10	70
		IV. Gieo hạt	7	8	56
		V. Chăm sóc	7	20	140
		VI. Thu hoạch	7	25	175
Tổng số công cho việc trồng dưa leo					651

Bảng 2.2.2. Nhu cầu lao động cho chăn nuôi

Số TT	Vật nuôi	Công việc	Số lượng	Công lao động (công/con)	Tổng số công lao động cần
1	Lợn nái	I. Công lao động	300	166/60	830
		II. Công quản lý	300	16,6/60	83
Tổng số công chăn nuôi lợn nái					913

Việc xác định nhu cầu lao động phải tính riêng cho từng ngành, từng sản phẩm, từng công việc sau đó tổng hợp nhu cầu chung của toàn trang trại. Nhu cầu lao động của từng ngành được tổng hợp từ nhu cầu của từng công việc cụ thể.

Ví dụ:

Bảng 2.2.3. Nhu cầu chung về lao động của trang trại

Số TT	Loại sản phẩm	Diện tích/ Số lượng	Số công lao động cần
1	Lúa	12 ha	708
2	Bắp lai	5 ha	450
3	Dưa leo	7 ha	651
4	Lợn nái	600 con	913

2.2.2. Nhu cầu về chất lượng nguồn lao động

Trong các trang trại do có những loại công việc khác nhau, do vậy yêu cầu về chất lượng lao động cũng khác nhau.



Hình 2.2.1. Các hoạt động chăm sóc và thu hoạch

Những công việc áp dụng công nghệ mới sẽ đòi hỏi người lao động có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao.

Một số công việc như quy trình chăm sóc cây trồng, vật nuôi đòi hỏi người lao động phải trải qua những lớp tập huấn kỹ thuật.

Một số công việc lại đòi hỏi cần có những chuyên môn nhất định như điều khiển máy kéo, máy cày, chăm sóc gia súc theo đúng quy trình, hay sử dụng máy tính... nếu các trang trại không có hoặc không đủ loại lao động này thì phải tuyển lao động hoặc là phải ký kết hợp đồng với các tổ chức dịch vụ để họ thực hiện công việc mà trang trại yêu cầu.



Hình 2.2.2. Máy cắt lúa



Hình 2.2.3. Máy gặt đập liên hợp



Hình 2.2.4. Máy xay thức ăn chăn nuôi



Hình 2.2.5. Máy xay cá

2.3. Xác định khả năng hiện có và cân đối lao động

Khả năng lao động của các trang trại gồm:

- Lao động chính: là những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động. Nam từ 16 – 60 tuổi, nữ từ 16 – 55 tuổi.
- Lao động bổ sung: là những người ngoài độ tuổi lao động có tham gia lao động.

Kết quả xác định khả năng lao động hiện có sẽ được so sánh với nhu cầu để biết các trang trại thừa hay thiếu lao động ở các bộ phận, các công việc, các ngành. Từ kết quả cân đối đó, các cơ sở sẽ có những biện pháp để giải quyết.

* Nếu thừa lao động có thể thực hiện các biện pháp như:

- Tăng cường sử dụng lao động trong các khâu công việc để tăng năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi.
- Đối với những lao động gần hết tuổi lao động hoặc không đảm bảo sức khỏe thì cho nghỉ hoặc chuyển sang những công việc nhẹ nhàng hơn.

* Nếu thiếu lao động các trang trại cần có những biện pháp giải quyết kịp thời để đảm bảo quá trình sản xuất được diễn ra liên tục. Các giải pháp có thể thực hiện như thuê thêm lao động động thường xuyên hoặc lao động thời vụ, tuyển dụng lao động.

Bảng 2.2.4. Bảng cân đối lao động

Loại lao động	Tổng ngày công trong năm	Số công trong tháng											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I. Tổng nhu cầu (A) Trồng trọt Chăn nuôi Dịch vụ..													
II. Lao động gia đình (B) - Lao động thường xuyên - Lao động thời vụ													
III. Cân đối (A – B)													

B. Câu hỏi và bài tập thực hành**1. Câu hỏi:**

1.1. Anh (chị) hãy trình bày các bước để lập kế hoạch lao động.

1.2. Trong trường hợp trang trại thừa lao động, có thể thực hiện biện pháp gì để giải quyết tình trạng này?

2. Bài tập thực hành:

Bài tập thực hành 2.2.1. Lập kế hoạch lao động cho trang trại của anh (chị) trên cơ sở kế hoạch sản xuất đã được lập ở bài thực hành 2.1.1.

C. Ghi nhớ

1. Lập kế hoạch lao động là một việc làm cần thiết đối với mỗi hộ gia đình, trang trại hay cơ sở sản xuất.

2. Việc lập kế hoạch lao động nhằm xác định và cân đối nhu cầu lao động cho các cơ sở sản xuất nông nghiệp.

Bài 03. LẬP KẾ HOẠCH TIÊU THỤ

Mã bài: MD02-03

Mục tiêu:

- Lập được kế hoạch tiêu thụ;
- Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, trách nhiệm.

A. Nội dung

1. Đánh giá thị trường tiêu thụ

- Đánh giá thị trường nhằm xác định khả năng tiêu thụ sản phẩm ở các trang trại. Từ đó tiến hành tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của cơ sở có hiệu quả theo yêu cầu của thị trường.

- Các nội dung đánh giá thị trường tiêu thụ:

+ Mô tả phạm vi địa lý của thị trường (ở địa phương, trong huyện, thành phố, ngoài tỉnh...).

+ Ước tính quy mô thị trường và nghiên cứu các đối tượng tiêu dùng sản phẩm (người tiêu dùng cuối cùng, các trung gian bán buôn như siêu thị, cửa hàng thực phẩm, chợ đầu mối...).



Hình 2.3.1. Cửa hàng thực phẩm



Hình 2.3.2. Siêu thị



Hình 2.3.3. Chợ đầu mối



Hình 2.3.4. Chợ bán lẻ

+ Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng như giá cả, chất lượng sản phẩm, sự đa dạng của sản phẩm,...

- Từ quá trình phân tích này, các trang trại sẽ lựa chọn cho mình một vài nhóm khách hàng trọng tâm. Các thị trường mục tiêu này có thể phân theo các tiêu thức về khu vực địa lý (ở xã, huyện, thành phố), mục đích và hoàn cảnh sử dụng sản phẩm (khách hàng tiêu dùng, các lái buôn, thu gom địa phương, các công ty chế biến...), giới tính, tuổi tác, mức thu nhập...



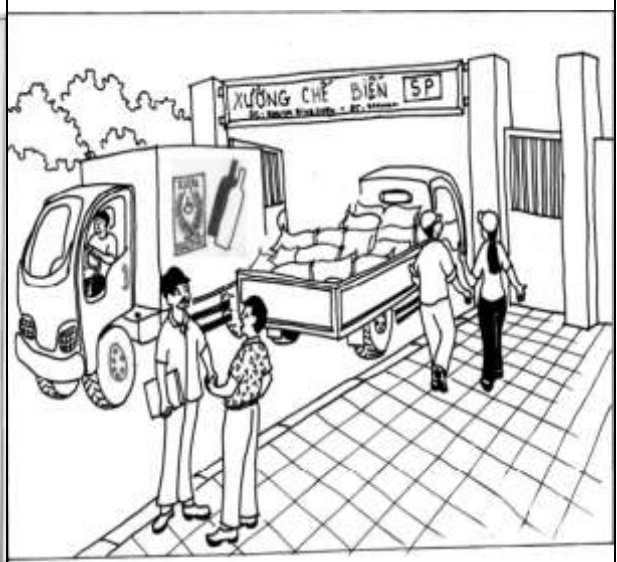
Hình 2.3.5. Người thu mua



Hình 2.3.6. Người bán buôn



Hình 2.3.7. Người bán lẻ



Hình 2.3.8. Cơ sở chế biến

Sau đó các trang trại sẽ lựa chọn ra cho mình một thị trường trọng tâm phù hợp với mục tiêu và nguồn lực của các trang trại.

- Bên cạnh đó, trang trại cũng cần nghiên cứu các đối thủ cạnh tranh của mình. Các đối thủ cạnh tranh là những cơ sở đang kinh doanh các sản phẩm cùng loại với sản phẩm của trang trại, trên cùng vùng thị trường và cùng nhắm vào nhóm khách hàng trọng tâm mà trang trại đang đuổi hoặc chuẩn bị theo

đuôi. Phân tích đối thủ cạnh tranh cần trả lời câu hỏi cơ bản trong phần này là: “để thỏa mãn khách hàng, các cơ sở có những điểm nào mạnh hơn hay yếu hơn đối thủ cạnh tranh?”.

Sau khi phân tích được các điểm mạnh, điểm yếu của đối thủ cạnh tranh, các trang trại cũng cần phải phân tích và đánh giá được những điểm mạnh, điểm yếu của mình từ đó xem xét xem mình có lợi thế gì so với đối thủ cạnh tranh, những điểm yếu cần khắc phục. Phân tích những cơ hội và những thách thức từ đó làm căn cứ để các trang trại có thể quyết định hành động nhằm tận dụng những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, tận dụng những cơ hội và xử lý những khó khăn.

2. Lập kế hoạch tiếp thị

- Kế hoạch tiếp thị tại các trang trại gồm 4 phần:

- + Sản phẩm
- + Giá bán
- + Nơi bán
- + Hỗ trợ bán hàng

- Kế hoạch tiếp thị ở trang trại sẽ được thực hiện thông qua việc xây dựng một kế hoạch hành động dưới sự kiểm soát và điều khiển của người quản lý trang trại. Nội dung của kế hoạch này thường được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2.3.1. Nội dung chính của kế hoạch tiếp thị

Con người	Ai là người mua, số lượng người mua, tiềm năng tăng trưởng?
Lợi nhuận	Lợi nhuận dự kiến thu được là bao nhiêu? Các mục tiêu khác của kế hoạch tiếp thị là gì?
Nhân sự	Ai liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tiếp thị?
Sản phẩm	Sản phẩm sản xuất là gì? Sản phẩm đó có sự khác biệt về kiểu dáng, đặc điểm chất lượng nhãn hiệu, đóng gói, hình thức bán, dịch vụ kèm theo không?
Giá bán	Sản phẩm sẽ được bán với giá nào?
Nơi bán	Trang trại sẽ bán sản phẩm cho người mua ở đâu, khi nào và như thế nào?
Hỗ trợ bán hàng	Thông tin về sản phẩm của các trang trại được chuyển đến người mua như thế nào?
Giai đoạn	Kế hoạch tiếp thị có hiệu lực trong thời gian bao lâu? Lịch trình thực hiện để đánh giá các hoạt động tiếp thị như thế nào?

2.1. Sản phẩm

Các yếu tố cần xem xét trong chiến lược sản phẩm bao gồm:

- Tên của sản phẩm
- Đặc tính của sản phẩm (màu sắc, cấu trúc, hương vị, bao bì,...)
- Các hoạt động dịch vụ kèm theo như: dịch vụ thông tin, giới thiệu, chào hàng; các dịch vụ về chuẩn bị hàng hóa, đóng gói sẵn theo yêu cầu của khách hàng, đặt hàng trước như bốc vát, chuyên chở, giao hàng tận nơi theo yêu cầu của khách hàng...

Chất lượng sản phẩm không những tạo nên uy tín, hình ảnh sản phẩm mà còn ảnh hưởng đến mức lợi nhuận của trang trại. Tuy nhiên, không nên mặc định là người mua luôn luôn muốn sản phẩm có chất lượng tốt nhất bởi vì sản phẩm chất lượng tốt nhất thường sẽ có giá bán rất cao, không phù hợp túi tiền của người mua bình dân. Điều quan trọng là mức chất lượng của sản phẩm phải phù hợp với nhu cầu của người mua mà trang trại đang nhắm đến.

Ví dụ:

Bảng 2.3.2. Mô tả sản phẩm

Sản phẩm Đặc tính	Cải bắp	Cà chua	Súp lơ
Chất lượng	Cải bắp chắc	Quả gần chín để làm sa lát và quả chín để làm nước sốt	Tươi
Màu sắc	Xanh	Đỏ	Trắng và lá xanh
Kích cỡ	Nặng khoảng 2 kg	Cỡ trung và lớn	Nhỏ, vừa và lớn
Bao bì	Rửa sạch và giao theo sọt	Giao hàng bằng sọt và túi 2 kg cho các cửa hàng nhỏ	Đóng thùng giao cho từng khách hàng

2.2. Giá bán

- Xác định giá cả sản phẩm, các trang trại cần phải trả lời 2 câu hỏi chính: các trang trại bán sản phẩm với mức giá nào? Có cách nào để làm tăng giá trị sản phẩm hay không?

- Giá bán sản phẩm phải chăng và mang tính cạnh tranh. Phải tính đến phương pháp định giá đặc biệt để thu hút, hấp dẫn khách hàng và đưa ra những hình thức thanh toán thuận tiện (cho nợ gối đầu, trả chậm,...).

- Giá cả sản phẩm phải đảm bảo các nguyên tắc:

- + Bù đắp được chi phí mà các trang trại bỏ ra để có sản phẩm đó.
- + Theo đuổi các mục tiêu kinh tế của trang trại.
- + Được người mua chấp nhận.
- Các trang trại có thể lựa chọn một số các phương pháp định giá như:
- + *Định giá theo chi phí sản xuất:*

$$\text{Giá dự kiến} = \frac{\text{Chi phí sản xuất/ 1 sản phẩm}}{\text{sản phẩm}} + \frac{\text{Lợi nhuận mong muốn/1 sản phẩm}}{\text{sản phẩm}}$$

- + *Định giá theo cạnh tranh:*

Theo phương pháp này, các trang trại thường lấy giá của đối thủ cạnh tranh làm cơ sở và ít quan tâm đến chi phí sản xuất và cầu thị trường. Dựa trên mức giá của đối thủ cạnh tranh, các trang trại có thể định giá sản phẩm của mình ngang bằng, thấp hoặc cao hơn đối thủ.

- + *Định giá theo giá trị cảm nhận của người mua:*

Theo phương pháp này, các trang trại định giá ban đầu cho sản phẩm của mình dựa vào cảm nhận của người mua về giá trị chứ không phải dựa vào chi phí mà họ bỏ ra để sản xuất sản phẩm.

Định giá theo giá trị cảm nhận của khách hàng là triết lý “*tiền nào của ấy*”, hay “*hàng tốt giá cao*”. Để áp dụng phương pháp này, các trang trại cần nghiên cứu thật kỹ về người mua sản phẩm của mình để có thể xác định được nhận thức của họ về giá trị sản phẩm.

Ví dụ:

Bảng 2.3.3. Định giá sản phẩm

Sản phẩm	Sản phẩm 1	Sản phẩm 2
Quyết định về giá		
Giá thành	15.000 đồng	2.000 đồng
Mức giá khách hàng có thể trả	20.000 đồng	5.000 đồng
Giá bán của đối thủ cạnh tranh	19.500 đồng	4.900 đồng
Giá bán lẻ	18.000 đồng	4.400 đồng
Lý do bán giá này	Thấp hơn đối thủ cạnh tranh và lời được 20%	Mức giá thấp là rất quan trọng với cửa hàng bán lẻ và nhà hàng

Sản phẩm Quyết định về giá	Sản phẩm 1	Sản phẩm 2
Sẽ giảm giá cho những khách hàng sau	Khách hàng mua số lượng lớn sẽ được giảm giá 20%	Khách hàng mua số lượng lớn sẽ được giảm giá 20%
Lý do giảm giá		
Giá bán sĩ	17.000 đồng	4.200 đồng

- Ngoài các cách định giá trên đây, các trang trại cũng có thể lựa chọn các chiến lược định giá khác nhau cho các sản phẩm mới, các chiến lược giá cho các sản phẩm chính và sản phẩm phụ, chiến lược giá theo nguyên tắc địa lý, bớt giá, thay đổi giá... Bên cạnh đó, các trang trại cũng có thể nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp bằng các kỹ thuật và các quyết định đúng đắn trong và sau quá trình thu hoạch như: chọn thời điểm thu hoạch, sơ chế, vận chuyển.

** Những hoạt động trong và sau thu hoạch:*

- Chọn thời điểm thu hoạch:

+ Thu hoạch sớm hay muộn: đối với một số vụ mùa, việc thu hoạch có thể tiến hành sớm để tận dụng cơ hội được giá (cải bắp thu hoạch lúc còn xanh, rau sống thu hoạch khi còn nhỏ, mận, mơ xanh...). Khai thác muộn hay làm thay đổi lịch thu hoạch bằng cách áp dụng các biện pháp kỹ thuật làm cho các loại nông sản ra hoa muộn, hoặc tạo ra các sản phẩm trái vụ cũng là những biện pháp nâng cao giá trị cho nông sản.

+ Thu hoạch và độ chín của mùa vụ: có những loại cây trồng cần phải đảm bảo thu hoạch đúng thời điểm chín để giữ được chất lượng và kéo dài thời gian lưu trữ và sử dụng (sắn, khoai lang, lúa, hành, tỏi...). Một số loại trái cây phải được thu hoạch khi chưa chín hoàn toàn để vận chuyển trong quãng đường dài (dứa, xoài, chuối...). Điều này rất cần thiết cho những loại trái cây không giữ được lâu và cần kéo dài thời gian sử dụng.

+ Thời gian trong ngày mà sản phẩm thu hoạch tốt nhất: Tốt nhất nên thu hoạch sản phẩm khi nhiệt độ mát nhất và cây có độ ẩm cao nhất - đó là thời điểm buổi sáng (cây cao su).

+ Kỹ thuật thu hoạch và các dụng cụ chứa đựng cũng là yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Kỹ thuật thu hoạch sao cho hạn chế các tổn thương cơ học lên các loại rau, hoa quả tránh tình trạng hư hỏng, dập nát. Các dụng cụ chứa đựng sản phẩm cần sạch sẽ, có bề mặt nhẵn, không có cạnh xù xì..

- Sơ chế: là cách thông thường để tạo thêm giá trị cho sản phẩm nông sản sau thu hoạch như:

+ Xử lý và sấy khô (lúa, ngô, khoai, sắn...).

+ Phân loại: người mua đòi hỏi các sản phẩm được phân loại.

+ Đóng gói: giúp cho nông sản giữ được thời hạn sử dụng lâu dài với kích thước và tiêu chuẩn phù hợp với người mua. Đóng gói với bao bì đẹp mắt có thể làm sản phẩm thêm hấp dẫn và nâng cao được giá trị sản phẩm.

+ Bảo quản nông sản: các nông sản có thể bảo quản vì những mục đích trước mắt và lâu dài. Việc bảo quản nông sản có thể làm tăng giá trị nông sản nhưng cũng có thể làm cho chất lượng sản phẩm của nông sản bị giảm sút, cũng như tăng các chi phí liên quan đến bảo quản (kho, bãi, dụng cụ bảo quản, lãi suất vay...).

- Vận chuyển sau thu hoạch: sản phẩm từ nơi thu hoạch đến nơi tiêu thụ cần phải có một quá trình vận chuyển. Quá trình vận chuyển nông sản cần đảm bảo cho nông sản không bị hư hỏng, dập nát.

Ví dụ:

Bảng 2.3.4. Các hoạt động tạo thêm giá trị

Sản phẩm	Hoạt động tạo thêm giá trị
Chuối	Phân loại, đóng gói, sấy khô, chế biến thành lát
Dừa	Làm chổi, làm giấy, làm mút, sữa, phân bón...
Trứng	Xử lý, phân loại, đóng gói
Trái cây	Xử lý hóa chất giữ tươi, ướp đường, lên men, nước sinh tố, sấy khô
Hạt	Ướp đường, rang
Thịt heo, gà	Giết mổ, cắt lát
Cây có củ	Đóng bao bì và chuyển đến đại lý, chợ, chế biến thành các sản phẩm khác như dưa chua, khoai tây, khoai lang chiên...
Sắn	Sấy khô, cắt lát...
Rau	Phân loại, đóng gói, vận chuyển đến thị trường hay người tiêu dùng cuối cùng, chế biến,...

2.3. Nơi bán

- Nơi bán sản phẩm cần ở trung tâm, dễ thấy, sạch đẹp và có các điều kiện cơ sở vật chất..., cần xác định cách bán hàng của mình sao cho thuận lợi nhất đối với khách hàng (bán trực tiếp, bán qua trung gian) và vận chuyển tới tận nơi theo yêu cầu của khách hàng.

- Các hình thức bán:

+ Sản phẩm được tiêu thụ trực tiếp từ người sản xuất đến người tiêu dùng dưới các hình thức bán lẻ ở các ki ốt, các chợ (nông thôn, thành thị) hoặc dưới

hình thức bán trực tiếp đến người tiêu dùng (bán rong).

+ Sản phẩm được tiêu thụ thông qua trung gian: các đại lý, các nhà thu gom lớn, nhỏ ở địa phương, các công ty thương mại...

Việc lựa chọn hình thức tiêu thụ nào là tùy thuộc vào đặc điểm và vai trò của các sản phẩm như tính công kênh khó bảo quản, tính chất quan trọng của sản phẩm, sản phẩm tiêu dùng trực tiếp hay thường xuyên, tính dễ hư hỏng, khối lượng hàng hóa sản phẩm tiêu thụ...

Đối với các sản phẩm tiêu thụ trực tiếp, người sản xuất trực tiếp bán cho người mua. Hình thức này phù hợp với các mặt hàng nông sản tươi sống, dễ hư hỏng và giảm cấp chất lượng sản phẩm nếu không được tiêu dùng ngay (cá, thịt, rau, các loại quả chín như xoài, mít, dứa, đu đủ...). Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm các trang trại cần tính đến các phương tiện vận chuyển và các công cụ bảo quản cho sản phẩm được tươi, tránh hư hỏng, bầm dập, nâng cao giá trị cho sản phẩm.

Đối với một số các sản phẩm là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến (mía, cao su, cà phê...) các trang trại có thể lựa chọn kênh thứ hai hoặc có thể lựa chọn kênh tiêu thụ trực tiếp cho các công ty, các trang trại chế biến thông qua hợp đồng tiêu thụ nông sản.

Bảng 2.3.5. Lựa chọn địa điểm bán hàng

Địa điểm bán hàng	Mô tả	Ưu điểm	Nhược điểm
Chợ nông sản	Là nơi người sản xuất tập hợp để bán sản phẩm cho khách hàng.	Có thể liên hệ trực tiếp với người tiêu dùng với chi phí thấp.	Mất đi khoảng thời gian dành cho sản xuất.
Bán tại nông trại	Khách hàng mua trực tiếp tại trang trại.	Cơ hội để bán nhiều sản phẩm và tăng thu nhập. Dễ quản lý hơn.	Cần đầu tư vào nơi bán hàng các thiết bị như tủ lạnh, giá đỡ. Trang trại cần cung cấp sản phẩm ổn định.
Giao hàng tận nhà	Bán và giao sản phẩm đến nhà, cửa	Không cần địa điểm, chi phí quản lý giảm, dễ tham gia.	Cần có nhiều lao động giao hàng.

Địa điểm bán hàng	Mô tả	Ưu điểm	Nhược điểm
	hàng bán lẻ, quán ăn...		
Bán cho nhà bán buôn	Người bán buôn mua sản phẩm của trang trại và bán dưới tên của họ.	Tiếp cận được thị trường lớn hơn. Tập trung thời gian cho công việc ở trang trại. Giảm chi phí đóng gói và bán hàng.	Trang trại ít thông tin về nhu cầu khách hàng vì ít tiếp cận với họ.
Bán cho người bán lẻ	Người bán lẻ mua sản phẩm từ trang trại và bán lại.	Tiếp cận được thị trường lớn hơn. Tập trung thời gian cho công việc ở trang trại. Giảm chi phí đóng gói và bán hàng.	Trang trại ít thông tin về nhu cầu khách hàng vì ít tiếp cận với họ.

2.4. Hỗ trợ bán hàng

- Có thể sử dụng các thông tin đại chúng như đài, báo, tạp chí, áp phích, tờ rơi,... để thông tin cho khách hàng những công dụng và tiện lợi về việc sử dụng sản phẩm của các trang trại.



Hình 2.3.9. Đài



Hình 2.3.10. Tờ rơi



Hình 2.3.11. Báo

- Tổ chức các cửa hàng giới thiệu sản phẩm ngay tại trang trại hay ở nơi thuận tiện vừa giới thiệu sản phẩm vừa bán sản phẩm, tham gia các cuộc triển lãm, các hội chợ thương mại qua đó giới thiệu sản phẩm và ký hợp đồng tiêu

thụ. Tùy theo từng loại sản phẩm và đối tượng tiêu dùng mà có hình thức quảng cáo thích hợp. Bao bì, đóng gói, mẫu mã và các nhãn mác sản phẩm của cơ sở sản xuất kinh doanh cũng là một hình thức quảng cáo có hiệu quả.



Hình 2.3.12. Cửa hàng giới thiệu sản phẩm



Hình 2.3.13. Hội chợ

- Xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các mặt hàng nông sản cũng là một cách quảng bá sản phẩm tốt nhất và đem lại hiệu quả cao nhất đảm bảo cho các trang trại phát triển một cách bền vững.

- Trưng bày và thu hút khách hàng đồng thời đưa ra các biện pháp, chương trình khuyến mãi để khách hàng mua nhiều hơn và trung thành với sản phẩm như chương trình giảm giá, tặng quà...



Hình 2.3.14. Một số cách trưng bày sản phẩm

3. Xây dựng nguồn ngân sách cho kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

- Cần tính toán các chi phí cần thiết cho các hoạt động, xác định dự báo doanh thu và khoản tiền cho từng thời gian triển khai (theo quý hoặc tháng).

- Lập các bảng biểu thích hợp như bảng dự kiến doanh thu, bảng tổng hợp các chi phí marketing... để tổng hợp các số liệu phục vụ cho mục đích kiểm soát đồng thời làm cơ sở cho phân tích tài chính.

- Các bước lập bảng dự kiến doanh thu:

- + Liệt kê các sản phẩm hoặc mặt hàng sẽ bán;
- + Ước tính sản lượng thu được cho 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh;
- + Xác định giá bán cho mỗi đơn vị sản phẩm, mặt hàng;
- + Tính doanh thu mỗi mặt hàng bằng cách nhân khối lượng hàng bán được với giá bán tương ứng.

Ví dụ:

Bảng 2.3.6. Dự kiến doanh thu theo tháng

Chỉ tiêu	Tháng						
	1	2	3	4	5	612
1. Sản phẩm trồng trọt: Sản phẩm lúa							
- Sản phẩm lúa:							
Lượng bán							
Giá bán đơn vị							
Doanh thu lúa							
.....							

Chỉ tiêu	Tháng						
	1	2	3	4	5	612
2. Sản phẩm chăn nuôi: - <i>Lợn thịt:</i> Lượng bán Giá bán đơn vị Doanh thu lợn thịt - <i>Gà thịt:</i> Lượng bán Giá bán đơn vị Doanh thu gà thịt							
Tổng doanh thu							

Bảng 2.3.7. Dự kiến chi phí hỗ trợ bán hàng theo tháng

Các loại chi phí	Tháng						
	1	2	3	4	5	612
Chi phí thường xuyên: Chi phí bán hàng Chiết khấu Chi phí vận chuyển Chi phí khác...							
Chi phí đột xuất: Quảng cáo Khuyến mại Hội chợ/triển lãm Nghiên cứu thị trường Khác							
Tổng chi phí							

4. Lập bảng tổng hợp kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

Ví dụ: Tổng hợp kế hoạch tiêu thụ của một số sản phẩm ở bảng sau:

Bảng 2.3.8. Tổng hợp kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

Loại sản phẩm	Số lượng (tấn)	Địa điểm tiêu thụ	Khách hàng	Phương thức tiêu thụ	Phương thức vận chuyển	Ghi chú
Đậu xanh	100	Đà Nẵng Huế	Ông Sơn	Bán buôn	Xe ô tô	
Dưa leo	10	Quảng Nam Huế Đà Nẵng	Ông Khánh	Bán buôn	Xe ô tô	
Gà siêu thịt	7	Quảng Nam Huế Đà Nẵng	Bà Hoa	Bán buôn	Xe ô tô	
Ngan siêu thịt	40	Đà Nẵng Quảng Nam	Bà Mỹ	Bán buôn	Xe ô tô	

B. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi:

1.1. Anh (chị) hãy cho biết các phương pháp định giá sản phẩm?

1.2. Hãy chọn đáp án đúng nhất trong câu sau:

Chương trình quảng bá giới thiệu sản phẩm bao gồm các yếu tố:

- Quảng cáo, hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi, giá bán.
- Sản phẩm, thị trường, nơi bán, hỗ trợ bán hàng, người bán hàng.
- Sản phẩm, giá bán, nơi bán, hỗ trợ bán hàng, người bán hàng.
- Giá bán, nơi bán, người bán hàng, chất lượng sản phẩm.

1.3. Chọn câu trả lời Đúng/ Sai cho các nhận định dưới đây:

1.3.1. Xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các mặt hàng nông sản cũng là một cách quảng bá sản phẩm.

☐ Đúng

☐ Sai

1.3.2. Các trang trại không nên thực hiện hình thức bán sản phẩm trực tiếp đến người tiêu dùng.

☐ Đúng

☐ Sai

1.3.3. Hình thức bán sản phẩm tại trang trại có thể làm tăng chi phí bán hàng.

☐ Đúng

☐ Sai

1.3.4. Trang trại cần xác định cách bán hàng của mình sao cho thuận lợi nhất mà không cần quan tâm đến khách hàng.

☐ Đúng

☐ Sai

2. Bài tập thực hành:

Bài tập thực hành 2.3.1. Lập kế hoạch tiêu thụ cho trang trại của anh (chị) trên cơ sở các sản phẩm cây trồng/ vật nuôi đã trình bày trên kế hoạch sản xuất ở bài thực hành 2.1.1.

C. Ghi nhớ

1. Để lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, trang trại phải thực hiện đánh giá thị trường tiêu thụ, xem xét các nhóm khách hàng có thể mua sản phẩm, đánh giá điểm mạnh điểm yếu của đối thủ cạnh tranh để so sánh với trang trại.

2. Lập kế hoạch tiếp thị là một việc làm cần thiết đối với các trang trại nhằm giới thiệu các sản phẩm của trang trại đến khách hàng, cung cấp các thông tin liên quan đến sản phẩm cho khách hàng để hỗ trợ và thúc đẩy cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Bài 04. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Mã bài: MD02-04

Mục tiêu:

- Lập được bản kế hoạch tài chính cho trang trại;
- Xác định được nhu cầu vốn cần huy động thêm cho trang trại;
- Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, trách nhiệm.

A. Nội dung

1. Các loại kế hoạch tài chính của trang trại

1.1. Kế hoạch tài chính dài hạn

Kế hoạch tài chính dài hạn là một bộ phận của kế hoạch dài hạn của các trang trại, nó cụ thể hóa về mặt giá trị các hoạt động sản xuất, lao động trong suốt một thời gian dài.

Trong sản xuất nông nghiệp thường có những khoản chi tiêu đầu tư vốn có liên quan đến nhiều năm như các công việc xây dựng, các công trình thủy lợi, khai hoang, cải tạo đất, trồng cây ăn quả, trồng cây công nghiệp dài ngày... cho nên bên cạnh những chỉ tiêu kế hoạch tài chính hàng năm, cần phải xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn 3 năm, 5 năm... để có phương hướng đầu tư, chủ động chi tiêu và tích lũy vốn.

1.2. Kế hoạch tài chính hàng năm

Về cơ bản các kế hoạch tài chính hàng năm của các trang trại bao gồm:

- Kế hoạch doanh thu và chi phí cho từng ngành và cho toàn ngành trong các trang trại.
- Bảng ngân sách dòng tiền cho từng ngành và tổng hợp cho toàn bộ trang trại.
- Kế hoạch huy động và sử dụng nguồn vốn để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, có hiệu quả.

1.3. Các loại kế hoạch tài chính hàng vụ, hàng quý và hàng tháng

Để cụ thể hóa kế hoạch cả năm và để tiện cho việc chỉ đạo, giúp cho các kế hoạch năm thực hiện được sát, thì kế hoạch tài chính cả năm được chia là kế hoạch hàng vụ, hàng quý, hàng tháng.

- Kế hoạch tài chính hàng vụ, nội dung cũng tương tự như kế hoạch tài chính cả năm nhưng được tính toán cân đối thu chi trong từng vụ như vụ đông xuân, vụ hè thu (áp dụng cho các cây trồng ngắn ngày).

- Kế hoạch tài chính hàng tháng là kế hoạch chi tiết, cụ thể hóa kế hoạch tài chính hàng vụ và hàng quý, trong đó chủ yếu là kế hoạch thu và chi tiền mặt. Do kế hoạch thu chi hàng tháng là kế hoạch cân đối và dự kiến những khoản thu, chi bằng tiền trong cả tháng, nên trong các trang trại cần có các chương trình, có các hoạt động ghi chép các khoản thu chi hàng ngày.

2. Lập kế hoạch về vốn

2.1. Ước tính tổng vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư là toàn bộ số tiền cần phải có để tiến hành công việc sản xuất kinh doanh. Nó được cấu thành bởi 2 phần là vốn cố định dùng đầu tư vào tài sản cố định và vốn lưu động dùng đầu tư vào tài sản lưu động.

- Đầu tư vào tài sản dài hạn là đầu tư vào những tài sản có giá trị lớn và thời gian sử dụng dài như đất đai, nhà xưởng, chuồng trại, máy móc nông nghiệp, sân phơi, công trình thủy nông, gia súc làm việc, gia súc sinh sản, vườn cây lâu năm, súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm...



Hình 2.4.1. Trâu kéo cày



Hình 2.4.2. Vườn cây ăn quả

Có thể dùng mẫu bảng sau để tính toán số tiền mà chúng ta cần đầu tư vào tài sản cố định. Ví dụ:

Bảng 2.4.1. Tổng giá trị đầu tư vào tài sản cố định

Tên TSCĐ	Đơn giá	Số lượng cần	Tổng giá trị
1. Chi phí quyền sử dụng đất			
2. Nhà xưởng, nhà kho, cửa hàng (hoặc trang trại, chuồng nuôi gia súc, gia cầm..)			
3. Các máy móc, thiết bị (Ví dụ: máy cày, máy kéo...)			
4. Vườn cây lâu năm			
5. Gia súc sinh sản (trâu, bò, lợn...)			
6. Gia súc làm việc (trâu, bò...)			

- Đầu tư vào tài sản ngắn hạn là những tài sản tham gia một lần vào chu kỳ sản xuất kinh doanh và chuyển hóa hoàn toàn hình thái vật chất của nó vào sản phẩm hoặc có thời gian sử dụng 1 năm trở xuống, như:

+ Nguyên vật liệu: đối với các trang trại thì nguyên vật liệu ở đây là các con giống, hạt giống, cây giống, phân bón, thuốc trừ sâu – dịch bệnh, thức ăn gia súc cần sử dụng trong lúa, một vụ...

+ Các chi phí bằng tiền khác: Là số tiền mặt cần thiết để chi trả các khoản tiền lương, tiền công, các chi phí bán hàng, chi phí ban đầu (nếu có), chi phí khác (thuế, lãi vay, điện, nước....) trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

2.2. Cân đối tài chính và xác định nguồn vốn cần huy động

Cân đối nhu cầu với các nguồn vốn gồm: vốn của trang trại đã có dành cho sản xuất, vốn còn thiếu và dự định vay hoặc huy động (có thể vay ngân hàng, vay người khác hoặc vốn nợ các nhà cung cấp dịch vụ hoặc vốn ứng trước của khách hàng...).

Bảng 2.4.2. Nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh

Khoản mục	Tổng nhu cầu	Trong đó	
		Vốn tự có	Vốn vay
A/ Tài sản cố định			
- Tiền thuê đất			
- Nhà xưởng			
- Chuồng trại			
- Máy móc thiết bị			
- Phương tiện vận chuyển			
- Vườn cây lâu năm			
- Gia súc làm việc, cho sản phẩm			
- Các tài sản cố định khác			
Tổng (A)			
B/ Tài sản lưu động			
- Chi phí ban đầu			
- Chi phí nguyên vật liệu			

Khoản mục	Tổng nhu cầu	Trong đó	
		Vốn tự có	Vốn vay
- Chi phí lao động			
- Chi phí bán hàng			
- Lãi tiền vay			
- Chi phí khác			
Tổng (B)			
Tổng vốn đầu tư = (A) + (B)			
Tỷ lệ %			

3. Lập kế hoạch thu chi

Bản kế hoạch thu chi tiền mặt cho thấy số tiền mặt dự tính sẽ thu vào và chi ra hàng tháng giúp đảm bảo công việc sản xuất kinh doanh không bị cạn kiệt tiền mặt.

Bảng 2.4.3. Kế hoạch thu chi

	Hạng mục	Tổng số tiền hàng năm
THU	Dư tiền mặt đầu năm	
	Thu từ bán sản phẩm	
	Tiền vay	
	Thu khác	
	Tổng thu	
CHI	Chi phí bằng tiền	
	Chi phí ban đầu	
	Tiền công cho người làm	
	Tiền điện	
	Tiền điện thoại	
	Marketing & hỗ trợ bán hàng	

	Hạng mục	Tổng số tiền hàng năm
	Sửa chữa và bảo dưỡng	
	Chi phí vật tư và hóa chất	
	Trả nợ vốn vay	
	Khác	
	Chi phí không bằng tiền	
	Công lao động gia đình	
	Nguyên vật liệu tự sản xuất	
	...	
	Tổng chi	
	Dư tiền mặt cuối năm = Thu - Chi	

4. Lập kế hoạch huy động vốn và hoàn trả vốn

Việc lập kế hoạch thu chi đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các trang trại ra quyết định cân đối nguồn vốn. Bảng dự trù vay vốn có thể được lập theo mẫu sau:

Bảng 2.4.4. Kế hoạch huy động vốn và hoàn trả vốn

	Huy động				Hoàn trả				Ghi
	Số TT	Ngày tháng năm	Số tiền	Mục đích sử dụng	Số TT	Ngày tháng năm	Số tiền	Mục đích sử dụng	
Vay dài hạn	1				1				
	2				2				
				
			Tổng				Tổng		
Vay ngắn hạn	1				1				
	2				2				
				
			Tổng				Tổng		

Quá trình lập kế hoạch thu chi sẽ giúp cho các trang trại có kế hoạch huy động và hoàn trả vốn vay một cách hợp lý nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra một cách liên tục. Các trang trại cần xác định rõ thời điểm vay, số tiền vay và có kế hoạch hoàn trả một cách hợp lý.

B. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi:

- 1.1. Anh (chị) hãy cho biết các loại kế hoạch tài chính của trang trại?
- 1.2. Trình bày nội dung của việc lập kế hoạch tài chính?

2. Bài tập thực hành:

Bài tập thực hành 2.4.1. Lập kế hoạch tài chính cho trang trại của anh (chị) trên cơ sở kế hoạch sản xuất, kế hoạch lao động và kế hoạch tiêu thụ ở các bài thực hành 2.1.1, 2.2.1, 2.3.1.

C. Ghi nhớ

1. Nguồn vốn cần đầu tư được chia làm 2 phần là đầu tư cho tài sản cố định và đầu tư cho tài sản lưu động.
2. Việc lập kế hoạch tài chính cần lưu ý các vấn đề sau:
 - Ước tính tổng vốn đầu tư.
 - Xác định nguồn vốn cần huy động.
 - Lập kế hoạch thu chi.
 - Lập kế hoạch huy động và hoàn trả vốn.

Bài 05. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ KINH TẾ VÀ HOÀN THIỆN BẢN KẾ HOẠCH

Mã bài: MD02-05

Mục tiêu:

- Trình bày được bản kế hoạch sản xuất kinh doanh đầy đủ, khoa học, rõ ràng;
- Dự kiến được hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, trách nhiệm.

A. Nội dung

1. Ước tính các chi phí

Cần xác định các chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại. Thông thường có các loại chi phí sau cho kế hoạch sản xuất kinh doanh:

a. Chi phí khấu hao tài sản cố định

Trong quá trình sử dụng, do chịu ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân khác nhau nên tài sản cố định sẽ bị hao mòn dần. Để bù đắp giá trị hao mòn này, phải chuyển dịch phần giá trị đã hao mòn vào giá trị của sản phẩm sản xuất ra có nghĩa là phải tính chi phí khấu hao tài sản cố định.

- **Phương pháp tính khấu hao đều (khấu hao theo đường thẳng)**: có một số cách để tính khấu hao, nhưng phương pháp đơn giản và dễ tính toán là phương pháp tính khấu hao đều.

Theo phương pháp này, công thức xác định mức khấu hao hàng năm (giá trị hao mòn) được xác định theo mức không đổi trong suốt thời gian sử dụng tài sản cố định.

Công thức:

$$\text{Mức khấu hao trung bình} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}}$$

Ví dụ: Để phục vụ cho việc làm đất để trồng trọt, trang trại ông Hiếu mua một máy cày với giá mua 60 triệu đồng, chi phí vận chuyển 2 triệu đồng. Biết rằng thời gian sử dụng dự kiến là 10 năm. Tính mức khấu hao mỗi năm.

+ Nguyên giá của TSCĐ = 60 triệu đồng + 2 triệu đồng = 62 triệu đồng.

+ Mức khấu hao mỗi năm là:

$$\text{Mức khấu hao mỗi năm} = \frac{62 \text{ triệu đồng}}{10 \text{ năm}} = 6,2 \text{ triệu đồng/năm}$$

Như vậy, hàng năm trang trại trích 6,2 triệu đồng chi phí khấu hao TSCĐ đó vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Có thể dùng mẫu bảng sau để tính mức khấu hao tài sản cố định:

Bảng 2.5.1. Khấu hao tài sản, trang thiết bị

Số TT	Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá	Số năm sử dụng	Mức khấu hao năm
1					
2					
	Tổng số				

b. Chi phí trước hoạt động (nếu có)

Là những chi phí mà phải bỏ ra trước khi công việc sản xuất kinh doanh được tiến hành thực sự như khảo sát thị trường, tìm kiếm thông tin, chi phí sản xuất thử....

c. Chi phí nguyên vật liệu

Để cho 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh (1 năm/1 vụ/1 tháng) cần có những nguyên vật liệu nào? Số lượng cần bao nhiêu? Chi phí cho nguyên vật liệu bao nhiêu?

Đối với chăn nuôi thì sẽ là các con giống, thức ăn, thuốc thú y...; với lĩnh vực trồng trọt thì sẽ là các cây giống, hạt giống, phân bón, thuốc trừ sâu...

Bảng 2.5.2. Chi phí nguyên vật liệu

Số TT	Loại nguyên vật liệu	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng số			

d. Chi phí lao động

Liệt kê xem cần những loại lao động nào, số lượng là bao nhiêu và sau đó hãy tính toán số tiền công mà mình sẽ phải trả cho họ trong một ngày/ một tháng là bao nhiêu?

Bảng 2.5.3. Chi phí lao động

Công việc	Số công cần	Giá tiền công	Thành tiền
Tổng cộng			

e. Chi phí bán hàng

Gồm tiền thuê cửa hàng (nếu có), chi phí vận chuyển, đóng gói, bao bì, hoa hồng cho người môi giới bán sản phẩm...

Bảng 2.5.4. Chi phí bán hàng

Khoản mục	Số tiền cần chi	Ghi chú
Tổng số		

f. Chi phí lãi vay

Số tiền cần phải trả cho các khoản tiền đi vay từ các nhà ngân hàng, các tổ chức tín dụng.

Bảng 2.5.5. Chi phí trả lãi vay vốn

Ngày tháng/năm	Tổng tiền vay	Tiền lãi phải trả	Tiền gốc phải trả	Tổng số tiền phải trả
Tổng cộng				

g. Chi phí khác

Bao gồm các chi phí như tiền thuế, điện, nước, sổ sách ghi chép, bảo hiểm...

Sau khi đã liệt kê được tất cả các loại chi phí, cần tính toán số tiền sẽ phải chi ra cho từng khoản chi phí đó vào bảng mẫu sau.

Bảng 2.5.6. Tổng chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh

Khoản mục	Tổng chi phí/ chu kỳ (lúa, vụ...)	Tổng chi phí/ năm
1. Khấu hao TSCĐ		
2. Chi phí trước hoạt động		
3. Chi phí nguyên vật liệu		
4. Chi phí lao động		
5. Chi phí bán hàng		
6. Chi phí lãi vay		
7. Chi phí khác		
Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7)		

2. Ước tính doanh thu

- Dựa trên kết quả khảo sát thị trường và khả năng sản xuất kinh doanh của trang trại, có thể dự tính số lượng sản phẩm có thể tiêu thụ được trong năm và giá bán của mỗi loại sản phẩm đó.

- Doanh thu được xác định bằng cách lấy sản lượng của từng loại cây trồng,

vật nuôi nhân với giá bán dự kiến của từng sản phẩm.

$$\text{Doanh thu} = \text{Sản lượng tiêu thụ kế hoạch} \times \text{Giá bán dự kiến}$$

- Các hoạt động này thường diễn ra trong từng tháng, quý, thậm chí là từng ngày, chính vì vậy, doanh thu sẽ được tính toán từng tháng, từng quý, thậm chí là từng ngày trong tháng.

Bảng 2.5.7. Doanh thu dự kiến

Số TT (1)	Loại sản phẩm (2)	Sản lượng (3)	Giá bán dự kiến (4)	Doanh thu (5)= (4) x(3)
Tổng doanh thu				

3. Tính toán hiệu quả kinh tế

Lợi nhuận (lãi) là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, là chỉ tiêu chất lượng để đánh giá hiệu quả kinh tế các hoạt động kinh doanh của trang trại.

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

- Nếu khoản chênh lệch này lớn hơn không (Lợi nhuận > 0) hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại có lãi.

- Nếu khoản chênh lệch này bằng không (Lợi nhuận = 0) có nghĩa là hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại hoà vốn.

- Nếu khoản chênh lệch này nhỏ hơn không (Lợi nhuận < 0) thì hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại thua lỗ.

Đến lúc này, đã hoàn thành được việc tính toán, lập kế hoạch cho công việc sản xuất kinh doanh của mình. Bây giờ bạn hãy xem hệ số sau để đánh giá xem bản kế hoạch của mình có mang tính khả thi không?

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn đầu tư} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tổng vốn đầu tư}} \times 100\%$$

Công thức này cho biết được cứ 100đ vốn bạn bỏ ra thì thu được bao nhiêu đồng lãi.

Cuối cùng hãy tóm tắt lại những số liệu chính trong bản kế hoạch của mình:

Tổng số vốn đầu tư là:đ

Tổng doanh thu:đ

Tổng chi phí:đ

Tổng lãi là:đ

Tổng số lao động là: người.

4. Viết bản kế hoạch hoàn thiện

Học viên trình bày được bản kế hoạch sản xuất kinh doanh hoàn thiện theo mẫu (xem phụ lục 1).

Trong thực tế hiện nay, các trang trại đều thực hiện tính toán diện tích gieo trồng, cây giống, con giống, tính toán công lao động... Tuy nhiên, hầu hết họ không phân tích chi tiết cụ thể để tính toán đầu tư nhiều hay ít. Để kiểm soát được vấn đề này nên thực hiện lập kế hoạch sản xuất kinh doanh một cách bài bản, có trình tự, logic các kế hoạch trên và tổng hợp vào bảng mẫu.

B. Câu hỏi và bài tập thực hành

1. Câu hỏi:

1.1. Liệt kê các chi phí có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2. Hãy cho biết ý nghĩa của lợi nhuận trong các trường hợp sau đây.

- Lợi nhuận = 0
- Lợi nhuận < 0
- Lợi nhuận > 0

2. Bài tập thực hành:

Bài tập thực hành 2.5.1. Tính toán hiệu quả kinh tế của kế hoạch và viết bản kế hoạch hoàn thiện cho trang trại trên cơ sở các bài thực hành 2.1.1, 2.2.1, 2.3.1, 2.4.1.

C. Ghi nhớ

1. Việc dự kiến hiệu quả kinh tế là cần thiết trong việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh để biết được tính khả thi của bản kế hoạch sản xuất kinh doanh được đưa ra và là cơ sở để điều chỉnh các nguồn lực cần sử dụng trong kế hoạch.

2. Cần phân loại các loại chi phí trong sản xuất kinh doanh để hạch toán vào các khoản mục phù hợp, như: khấu hao TSCĐ, chi phí ban đầu, chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động, chi phí bán hàng, chi phí lãi vay, chi phí khác.

HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY MÔ ĐUN

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Mô đun 02: “Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh” được bố trí học sau mô đun “Định hướng sản xuất” và học trước các mô đun khác trong chương trình sơ cấp của nghề “Quản lý trang trại”. Mô đun cũng có thể học độc lập hoặc song hành với các mô đun khác.

- Tính chất: Là mô đun tích hợp giữa kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp, là mô đun có vai trò định hướng và quyết định chi tiết các công việc tiếp theo, nên tổ chức giảng dạy tại địa bàn thôn, xã nơi có các trang trại, cơ sở sản xuất nông nghiệp của nghề.

II. Mục tiêu

- Kiến thức:

+ Giải thích được các căn cứ để lập kế hoạch sản xuất, các nội dung của kế hoạch sản xuất ở trang trại;

+ Liệt kê được các chỉ tiêu của một kế hoạch tài chính; nội dung của một kế hoạch tiêu thụ cho trang trại; trình tự lập kế hoạch lao động;

+ Trình bày được đặc điểm của nguồn lao động trong nông nghiệp;

+ Nêu được công thức tính doanh thu và lợi nhuận.

- Kỹ năng:

+ Sắp xếp các hoạt động sản xuất theo trình tự thời gian;

+ Tính toán được nhu cầu lao động, vật tư cần thiết, các chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lượng vốn cần vay thêm cho hoạt động của trang trại;

+ Đánh giá được thị trường tiêu thụ nông sản của trang trại;

+ Viết được bản kế hoạch sản xuất kinh doanh hoàn thiện.

- Thái độ:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh;

+ Có thái độ nghiêm túc, tích cực, nhiệt tình trong quá trình thực hiện các công việc tại trang trại.

III. Nội dung chính của mô đun

Mã bài	Tên bài	Loại bài dạy	Địa điểm	Thời gian (giờ)			
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
MĐ2-01	Lập kế hoạch sản xuất	Tích hợp	Phòng học, trang	20	4	15	1

Mã bài	Tên bài	Loại bài dạy	Địa điểm	Thời gian (giờ)			
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
			trại				
MĐ2-02	Lập kế hoạch lao động	Tích hợp	Phòng học, trang trại	16	4	12	0
MĐ2-03	Lập kế hoạch tiêu thụ	Tích hợp	Phòng học, trang trại	16	4	11	1
MĐ2-04	Lập kế hoạch tài chính	Tích hợp	Phòng học, trang trại	16	4	11	1
MĐ2-05	Dự kiến hiệu quả kinh tế và hoàn thiện bản kế hoạch	Tích hợp	Phòng học, trang trại	12	4	7	1
Kiểm tra kết thúc mô đun				4	0	0	4
Cộng				84	20	56	8

IV. Hướng dẫn thực hiện bài tập thực hành

* *Nguồn lực cần thiết:*

- Phòng học cho 30 học viên.

- Giáo trình dạy nghề mô đun “Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh” trong chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề Quản lý trang trại. Giáo án và tài liệu phát tay cho học viên.

- Địa điểm thực hành là phòng học, trang trại...

- Thời điểm thực hiện: tùy thuộc vào đặc điểm và điều kiện cụ thể của cơ sở đào tạo, nên kết hợp với mùa vụ trồng và chăm sóc.

- Một số thiết bị, dụng cụ, vật liệu khác:

+ Phòng học có đủ bảng, bàn giáo viên, bàn ghế cho lớp học (30 học viên).

+ Giấy A0, giấy A4.

+ Bút dạ.

+ Máy tính cá nhân.

+ Bảng dán giấy.

* *Yêu cầu đối với học viên:*

- Học viên đọc tài liệu trước.

- Nghe giáo viên trình bày (hướng dẫn ban đầu).

- Chia nhóm trao đổi thảo luận câu hỏi, bài tập thực hành (5 người/ nhóm).

4.1. Bài tập thực hành 2.1.1. Lập kế hoạch sản xuất cho hoạt động trồng trọt hoặc chăn nuôi một số loại sản phẩm như: nấm hoặc một số loại rau, cây ăn quả, vật nuôi,...ở trang trại (học viên có thể tự chọn loại cây trồng/ vật nuôi).

Mục tiêu: củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch sản xuất.

Nguồn lực: Giấy AO, A4, bút ghi chép, bút dạ...; các bảng biểu mẫu, máy tính tay (nguồn lực này sử dụng cho 1 nhóm).

Cách thức tiến hành: Chia lớp thành các nhóm nhỏ (5 người/ nhóm), thực hiện bài tập theo nhóm.

Nhiệm vụ của nhóm khi thực hiện bài tập: Có thể tiến hành buổi thực hành tại các cơ sở sản xuất nông nghiệp. Học viên thu thập và phân tích thông tin; từng nhóm trình bày kết quả của mình. Nhóm học viên tiến hành thực hiện các nội dung trên dưới sự giám sát và hỗ trợ của giáo viên.

Thời gian hoàn thành: 2 ngày.

Kết quả và sản phẩm: học viên có 1 phần của bản kế hoạch sản xuất kinh doanh của trang trại.

4.2. Bài tập thực hành 2.2.1. Lập kế hoạch lao động cho trang trại của anh (chị) trên cơ sở kế hoạch sản xuất đã được lập ở bài thực hành 2.1.1.

Mục tiêu: củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch lao động.

Nguồn lực: Giấy AO, A4, bút ghi chép, bút dạ...; các bảng biểu mẫu, máy tính tay (nguồn lực này sử dụng cho 1 nhóm).

Cách thức tiến hành: Chia lớp thành các nhóm nhỏ (5 người/nhóm), thực hiện bài tập theo nhóm.

Nhiệm vụ của nhóm khi thực hiện bài tập: Có thể tiến hành buổi thực hành tại các cơ sở sản xuất nông nghiệp. Học viên thu thập và phân tích thông tin; từng nhóm trình bày kết quả của mình. Nhóm học viên tiến hành thực hiện các nội dung trên dưới sự giám sát và hỗ trợ của giáo viên.

Thời gian hoàn thành: 1 ngày.

Kết quả và sản phẩm: học viên có được kế hoạch lao động của trang trại.

4.3. Bài tập thực hành 2.3.1. Lập kế hoạch tiêu thụ cho trang trại của

anh (chị) trên cơ sở các sản phẩm cây trồng/ vật nuôi đã trình bày trên kế hoạch sản xuất ở bài thực hành 2.1.1.

Mục tiêu: Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch tiêu thụ.

Nguồn lực: Giấy AO, A4, bút ghi chép, bút dạ...; các bảng biểu mẫu, máy tính tay (nguồn lực này sử dụng cho 1 nhóm).

Cách thức tiến hành: Chia lớp thành các nhóm nhỏ (5 người/nhóm), thực hiện bài tập theo nhóm.

Nhiệm vụ của nhóm khi thực hiện bài tập: Có thể tiến hành buổi thực hành tại các trang trại. Học viên thu thập và phân tích thông tin đưa vào biểu mẫu kế hoạch tiêu thụ dưới đây; từng nhóm trình bày kết quả của mình. Nhóm học viên tiến hành thực hiện các nội dung trên dưới sự giám sát và hỗ trợ của giáo viên.

Mẫu: KẾ HOẠCH TIÊU THỤ

I. Đánh giá thị trường tiêu thụ

1. Thị trường mục tiêu – Ai là các khách hàng?

Khách hàng	Tỷ lệ %
1. Khách hàng cá nhân	
2. Các nhà hàng, khách sạn	
3. Nhà bán sỉ	
4. Các nhà bán lẻ	
5. Khác	

Trang trại xác định khách hàng mục tiêu theo:

- Loại sản phẩm, gồm các sản phẩm:.....
- Khu vực địa lý, những khu vực:.....
- Khác:.....

2. Đối thủ cạnh tranh

- Tên:.....
- Địa chỉ:.....
- Số năm kinh doanh:.....
- Sản phẩm:.....
- Những điểm đặc trưng:.....
- Trang trại có những đặc điểm nào mạnh hơn đối thủ cạnh tranh, những điểm nào yếu hơn đối thủ cạnh tranh? Xem xét các khía cạnh như: địa điểm, qui mô các nguồn lực, uy tín, con người,.....

Điểm mạnh	Điểm yếu
1.	1.
2.	2.
3.	3.
.....

II. Lập kế hoạch tiếp thị

1. Sản phẩm

Liệt kê tất cả các sản phẩm hay loại sản phẩm vào hàng trên cùng của bảng. Điền vào những mô tả về đặc tính sản phẩm. Tùy thuộc vào sản phẩm mà cần phải cân nhắc các đặc tính khác nhau, ví dụ như chất lượng, màu sắc, kích cỡ...

Mô tả sản phẩm

Sản phẩm Đặc tính	Sản phẩm A	Sản phẩm B
1.....			
2.....			

2. Giá bán

Định giá sản phẩm

Sản phẩm Quyết định về giá	Sản phẩm A	Sản phẩm B
Giá thành		
Mức giá khách hàng có thể trả		
Giá bán của đối thủ cạnh tranh		
Giá bán lẻ		
Lý do bán giá này		
Sẽ giảm giá cho những khách hàng sau		
Lý do giảm giá		
Giá bán sỉ		

3. Nơi bán

3.1. Chi tiết về địa điểm tổ chức sản xuất kinh doanh

Mô tả vị trí, diện tích, điều kiện về đất đai, khí hậu; những khó khăn thuận lợi khi sản xuất kinh doanh ở đó.

3.2. Nơi bán

- ☐ Tại trang trại
- ☐ Tại chợ, các ki ốt
- ☐ Tại các siêu thị, cửa hàng

Lý do chọn địa điểm này:.....

4. Hỗ trợ bán hàng

Các hoạt động hỗ trợ bán hàng

Cách thức hỗ trợ bán hàng	Chi phí

Thời gian hoàn thành: 2 ngày.

Kết quả và sản phẩm: học viên có được kế hoạch tiêu thụ của trang trại.

4.4. Bài tập thực hành 2.4.1. Lập kế hoạch tài chính cho trang trại của anh (chị) trên cơ sở kế hoạch sản xuất, kế hoạch lao động và kế hoạch tiêu thụ ở các bài thực hành 2.1.1, 2.2.1, 2.3.1.

Mục tiêu: củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch tài chính.

Nguồn lực: Giấy AO, A4, bút ghi chép, bút dạ...; các bảng biểu mẫu, máy tính tay (nguồn lực này sử dụng cho 1 nhóm).

Cách thức tiến hành: Chia lớp thành các nhóm nhỏ (5 người/nhóm), thực hiện bài tập theo nhóm.

Nhiệm vụ của nhóm khi thực hiện bài tập: Có thể tiến hành buổi thực hành tại các cơ sở sản xuất nông nghiệp. Học viên thu thập và phân tích thông tin; từng nhóm trình bày kết quả của mình. Nhóm học viên tiến hành thực hiện các nội dung trên dưới sự giám sát và hỗ trợ của giáo viên.

Thời gian hoàn thành: 1 ngày.

Kết quả và sản phẩm: học viên có được kế hoạch tài chính của trang trại, là một phần của kế hoạch sản xuất kinh doanh.

4.5. Bài tập thực hành 2.5.1. Tính toán hiệu quả kinh tế của kế hoạch và viết bản kế hoạch hoàn thiện cho trang trại trên cơ sở các bài thực hành 2.1.1, 2.2.1, 2.3.1, 2.4.1.

Mục tiêu: củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng trình bày bản kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp lý, logic.

Nguồn lực: Giấy AO, A4, bút ghi chép, bút dạ...; các bảng biểu mẫu, máy tính tay (nguồn lực này sử dụng cho 1 nhóm).

Cách thức tiến hành: Chia lớp thành các nhóm nhỏ (5 người/nhóm), thực hiện bài tập theo nhóm.

Nhiệm vụ của nhóm khi thực hiện bài tập: Có thể tiến hành buổi thực hành tại các cơ sở sản xuất nông nghiệp. Học viên thu thập và phân tích thông tin; từng nhóm trình bày kết quả của mình. Nhóm học viên tiến hành thực hiện các nội dung trên dưới sự giám sát và hỗ trợ của giáo viên.

Thời gian hoàn thành: 1 ngày.

Kết quả và sản phẩm: học viên có được bản kế hoạch sản xuất kinh doanh đầy đủ và hoàn thiện.

V. Yêu cầu về đánh giá kết quả học tập

5.1. Đánh giá bài tập thực hành 2.1.1. Lập kế hoạch sản xuất cho hoạt động trồng trọt hoặc chăn nuôi một số loại sản phẩm như: nấm hoặc một số loại rau, cây ăn quả, vật nuôi,...ở trang trại (học viên có thể tự chọn loại cây trồng/ vật nuôi).

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
1. Xác định được loại cây trồng/ vật nuôi	- Quan sát và theo dõi quá trình thảo luận, đặt câu hỏi
2. Nêu được lý do để lựa chọn loại cây trồng/ vật nuôi đó	- Quan sát và theo dõi quá trình thảo luận nhóm, đặt câu hỏi để xác định tính chính xác của các căn cứ
3. Lập được bản kế hoạch sản xuất theo mẫu cho sẵn với các thông tin và số liệu phù hợp với thực tiễn, phù hợp với cây trồng/ vật nuôi	- Dựa vào mẫu biểu kế hoạch sản xuất chung, căn cứ vào các nội dung trong kế hoạch của các nhóm để so sánh và đánh giá
4. Thời gian làm bài	- Đúng thời gian theo quy định

5.2. Đánh giá bài tập thực hành 2.2.1. Lập kế hoạch lao động cho trang trại của anh (chị) trên cơ sở kế hoạch sản xuất đã được lập ở bài thực hành 2.1.1.

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
1. Xác định được tổng nhu cầu lao động cho trang trại	- Quan sát và theo dõi quá trình thảo luận, đặt câu hỏi - Phù hợp với kế hoạch sản xuất
2. Lập được bản cân đối lao động	- Đối chiếu với biểu mẫu cân đối lao

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
	động đã cho trong tài liệu
3. Thời gian làm bài	- Đúng thời gian theo quy định

5.3. Đánh giá bài tập thực hành 2.3.1. Lập kế hoạch tiêu thụ cho trang trại của anh (chị) trên cơ sở các sản phẩm cây trồng/ vật nuôi đã trình bày trên kế hoạch sản xuất ở bài thực hành 2.1.1.

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
1. Mô tả được các đặc tính của sản phẩm	- Quan sát và theo dõi quá trình thảo luận, đặt câu hỏi, kiểm tra kết quả
2. Xác định được giá bán phù hợp	- Quan sát và theo dõi quá trình thảo luận, kiểm tra kết quả
3. Xác định được nơi bán	- Quan sát và theo dõi quá trình thảo luận của nhóm, đặt câu hỏi
4. Đưa ra các cách thức hỗ trợ bán hàng	- Quan sát và theo dõi quá trình thảo luận của nhóm, đặt câu hỏi
5. Trình bày được bản kế hoạch tiêu thụ theo mẫu	- Dựa vào biểu mẫu chung, căn cứ vào nội dung trong kế hoạch của các nhóm để so sánh
6. Thời gian làm bài	- Đúng thời gian theo quy định

5.4. Đánh giá bài tập thực hành 2.4.1. Lập kế hoạch tài chính cho trang trại của anh (chị) trên cơ sở kế hoạch sản xuất, kế hoạch lao động và kế hoạch tiêu thụ ở các bài thực hành 2.1.1, 2.2.1, 2.3.1.

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
1. Ước tính được vốn đầu tư	- Quan sát và theo dõi quá trình thảo luận của nhóm - Dựa vào kết quả của nhóm
2. Xác định được nhu cầu vốn cần huy động	- Quan sát và theo dõi quá trình thảo luận của nhóm - Dựa vào kết quả của nhóm
3. Thời gian làm bài	- Đúng thời gian theo quy định

5.5. Đánh giá bài tập thực hành 2.5.1. Tính toán hiệu quả kinh tế của kế hoạch và viết bản kế hoạch hoàn thiện cho trang trại trên cơ sở các bài thực hành 2.1.1, 2.2.1, 2.3.1, 2.4.1.

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
1. Xác định được hiệu quả kinh tế của kế hoạch	- Quan sát và theo dõi quá trình thảo luận của nhóm - Dựa vào công thức tính toán hiệu quả kinh tế để so sánh kết quả
2. Trình bày được bản kế hoạch sản xuất kinh doanh hoàn thiện	- Dựa vào biểu mẫu chung, căn cứ vào nội dung trong kế hoạch của các nhóm để so sánh
3. Thời gian làm bài	- Đúng thời gian theo quy định

VI. Tài liệu cần tham khảo

[1]. Huỳnh Trường Huy (2010), *Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh*, Dự án nâng cao năng lực cán bộ và nông dân trong phát triển doanh nghiệp nhỏ nông thôn tỉnh An Giang giai đoạn 2009-2012.

[2]. Viện đào tạo doanh nhân Việt (2012), *Tài liệu Lập kế hoạch kinh doanh* (Tài liệu đào tạo dành cho các doanh nghiệp, hợp tác xã).

[3]. Chương trình CARD, *Tài liệu tập huấn Lập kế hoạch kinh doanh nông nghiệp*, Dự án AGRIBIZ 055/VIE 04.

[4]. Phùng Thị Hồng Hà (2009), *Bài giảng Quản lý sản xuất Nông nghiệp*, trường Đại học Nông lâm Huế.

[5]. Tài liệu Khởi sự doanh nghiệp vừa và nhỏ SIYB (2005) của Tổ chức Lao động thế giới ILO.

[6]. Lê Đức Sửu (2000), *Giáo trình Quản lý kinh tế hộ trang trại*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

PHỤ LỤC**Mẫu: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH**

Trang trại:

Loại cây trồng, vật nuôi:.....

Địa chỉ:

I. Đặt vấn đề (Lý do tại sao lại lựa chọn loại cây trồng/ vật nuôi đó)

.....

.....

.....

.....

II. Mục tiêu

.....

.....

III. Nội dung**1. Kế hoạch sản xuất****1.1. Kế hoạch sản xuất cho trồng trọt****KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG**

Số TT	Cây trồng	Diện tích kế hoạch	Năng suất kế hoạch	Sản lượng kế hoạch

KẾ HOẠCH LÀM ĐẤT

Số TT	Diện tích làm đất theo cây trồng	Vụ trồng	Yêu cầu kỹ thuật	Quy trình làm đất	Khối lượng công việc	Công cụ lao động	Số công lao động
Mảnh 1							
Mảnh 2							
...							
Tổng số công							

KẾ HOẠCH GIỐNG CÂY TRỒNG

Số TT	Giống cây trồng	Số lượng giống kế hoạch						Nguồn cung cấp
		Diện tích gieo trồng	Mật độ gieo trồng	Số lượng giống cần	Dự phòng		Tổng số giống cần	
					Tỷ lệ (%)	Số lượng		
1								
2								
...								
Tổng số								

KẾ HOẠCH PHÂN BÓN

- Loại phân bón:

- Mật độ cây trồng (cây/ha)/ Diện tích trồng

Phân bón Thời điểm	Diện tích/ Mật độ cây trồng	Mức bón (kg/ha)/ (kg/cây)	Tổng số
Bón lót			
Bón lần 1			
Bón lần 2			
Bón lần 3			
Tổng cộng			

KẾ HOẠCH PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH

Thời gian	Nội dung công việc	Yêu cầu vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu	Yêu cầu lao động
	Chăm sóc năm thứ nhất		
	- Lần 1		
	- Lần 2		
	Chăm sóc năm thứ hai		

Thời gian	Nội dung công việc	Yêu cầu vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu	Yêu cầu lao động
	- Lần 1		
	- Lần 2		
	...		

KẾ HOẠCH TƯỚI NƯỚC

Loại đất	Diện tích tưới	Loại cây trồng	Lịch tưới	Số lần tưới	Công cụ tưới	Ghi chú
Mảnh 1						
Mảnh 2						
Mảnh 3						
.....						

1.2. Kế hoạch sản xuất cho chăn nuôi

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG, SỐ LƯỢNG VÀ NĂNG SUẤT VẬT NUÔI

Số TT	Giống vật nuôi	Số lượng (con)	Năng suất vật nuôi (kg/con)	Sản lượng vật nuôi (kg)

KẾ HOẠCH CHUỒNG TRẠI

- Diện tích chuồng nuôi:.....
- Hướng chuồng:.....
- Vị trí đặt chuồng:.....
- Bố trí các công trình kỹ thuật phục vụ chăn nuôi:.....

KẾ HOẠCH THỨC ĂN CHO CHĂN NUÔI

Loại vật nuôi	Giai đoạn nuôi	Số vật nuôi	Nhu cầu các loại thức ăn			
			A	B	C	D

KẾ HOẠCH PHÒNG TRỪ DỊCH BỆNH CHO VẬT NUÔI

Số TT	Tên thuốc	Thời gian dùng		Liều lượng	Cách dùng
		Lần 1	Lần 2		

2. Kế hoạch về lao động**KẾ HOẠCH NHU CẦU LAO ĐỘNG**

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Diện tích/ Số lượng	Số công lao động	Ghi chú
1	Cày đất	công			
2	Làm cỏ	công			
3	Trồng cây	công			
4	Tưới nước	công			
5	Chuẩn bị chuồng nuôi	công			
6	Thu hoạch	công			
	...				
Tổng số công					

3. Kế hoạch tiêu thụ**KẾ HOẠCH TIÊU THỤ****I. Đánh giá thị trường tiêu thụ**

1. Thị trường mục tiêu – Ai là các khách hàng?
2. Đối thủ cạnh tranh

II. Lập kế hoạch tiếp thị

1. Sản phẩm

Sản phẩm Đặc tính	Sản phẩm A	Sản phẩm B
1.....			
2.....			

2. Giá bán

Sản phẩm	Sản phẩm A	Sản phẩm B
Quyết định về giá		
Giá thành		
Giá bán lẻ		
Giá bán sỉ		

3. Nơi bán

4. Hỗ trợ bán hàng

Cách thức hỗ trợ bán hàng	Chi phí

III. Tổng hợp kế hoạch tiêu thụ các sản phẩm

Loại sản phẩm thời gian tiêu thụ	Số lượng (kg)	Địa điểm tiêu thụ	Khách hàng	Phương thức tiêu thụ	Phương thức vận chuyển	Ghi chú

4. Kế hoạch về vốn

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Tổng nhu cầu	Trong đó	
		Vốn tự có	Vốn vay
A/ Tài sản cố định			
- Chi phí quyền sử dụng đất			
- Nhà xưởng			
- Chuồng trại			
- Máy móc thiết bị			
- Phương tiện vận chuyển			
- Vườn cây lâu năm			

Khoản mục	Tổng nhu cầu	Trong đó	
		Vốn tự có	Vốn vay
- Súc vật làm việc, cho sản phẩm			
- Các tài sản cố định khác			
Tổng (A)			
B/ Tài sản lưu động			
- Chi phí ban đầu			
- Chi phí nguyên vật liệu			
- Chi phí lao động			
- Chi phí bán hàng			
- Lãi tiền vay			
- Chi phí khác			
Tổng (B)			
Tổng vốn đầu tư = (A) + (B)			
Tỷ lệ %			

KẾ HOẠCH VỐN HÀNG NĂM

<div>Chỉ tiêu</div> <div>Năm thứ</div>	Tổng nhu cầu vốn trong năm	Trong đó cân đối	
		Vốn tự có	Vốn vay
- Năm thứ nhất			
- Năm thứ hai			
- Năm thứ ba			
- Năm thứ tư			
- Năm thứ năm			
Tổng cộng			

IV. Kết luận

.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày....tháng.....năm 20

Người lập kế hoạch

**DANH SÁCH BAN CHỦ NHIỆM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH,
BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**

(Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2013

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Ông Trần Quốc Việt - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực Thực phẩm - Chủ nhiệm
2. Ông Phùng Hữu Cần - Chuyên viên chính Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phó chủ nhiệm
3. Bà Nguyễn Vũ Phương Thúy - Trưởng bộ môn Trường Cao đẳng Lương thực Thực phẩm - Thư ký
4. Bà Tống Thị Hải Hạnh, Giảng viên Trường Cao đẳng Lương thực Thực phẩm - Ủy viên
5. Bà Lê Thị Hương Giang, Giảng viên Trường Cao đẳng Lương thực Thực phẩm - Ủy viên
6. Bà Mai Lan Hương, Trưởng khoa Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ - Ủy viên
7. Ông Nguyễn Tứ, Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản Đà Nẵng - Ủy viên

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO
TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**

(Theo Quyết định số 1374/QĐ-BNN-TCCB ngày 17 tháng 6 năm 2013

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Ông Phạm Thanh Hải, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ - Chủ tịch
2. Bà Trần Thị Anh Thư, Chuyên viên Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thư ký
3. Ông Bùi Việt Hoàng, Giáo viên Trường Cao đẳng nghề Cơ điện, Xây dựng và Nông Lâm Trung Bộ - Ủy viên
4. Ông Nguyễn Thế Phong, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh, Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II - Ủy viên
5. Ông Trần Đắc Nhã, Chủ trang trại Sơn Hòa, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng - Ủy viên.